



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

— 2023 —

**Địa chỉ:** 158/2 phố Hồng Mai, Phường Quỳnh Lôi,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Điện thoại:** 024.38634597

**Website:** [www.ctin.vn](http://www.ctin.vn)

## 1. Thông tin chung

- 1.1. Thông tin khái quát
- 1.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 1.4. Định hướng phát triển
- 1.5. Các rủi ro

## 2. Tình hình hoạt động trong năm

- 2.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2.2. Tổ chức và nhân sự
- 2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 2.4. Tình hình tài chính
- 2.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

## 3. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

- 3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 3.2. Tình hình tài chính
- 3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 3.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 3.5. Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán
- 3.6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

## 4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

- 4.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 4.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty
- 4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## 5. Quản trị công ty

- 5.1. Hội đồng quản trị
- 5.2. Ban Kiểm soát
- 5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

## 6. Báo cáo tài chính

- 6.1. **Ý kiến kiểm toán:** Theo Phụ lục đính kèm
- 6.2. **Báo cáo tài chính được kiểm toán:** Theo Phụ lục đính kèm



## 1. Thông tin chung

- 1.1 Thông tin khái quát
- 1.2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 1.3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 1.4 Định hướng phát triển
- 1.5 Các rủi ro





## 1.1 Thông tin khái quát

**Tên công ty : Công ty Cổ phần Viễn thông  
– Tin học Bưu điện**  
(Sau đây gọi là “Công ty CTIN”)

**Giấy chứng nhận  
đăng ký doanh  
nghiệp số:** 0100683374

**Vốn điều lệ:** 321.850.000.000 đồng

**Địa chỉ:** 158/2 phố Hồng Mai, Phường Quỳnh Lôi,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Địa điểm  
kinh doanh:** Tầng 6 và Tầng 12, Tòa nhà Văn phòng  
Tổng công ty 789, số 147, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

**Số điện thoại:** 024.38634597

**Fax:** 024.38632061

**Website:** www.ctin.vn

**Mã cổ phiếu:** ICT





## Quá trình hình thành và phát triển:

### ● 1972

- Thành lập Xí nghiệp Sửa chữa Thiết bị Thông tin I.

### ● 2001

- Chuyển đổi từ xí nghiệp sang Công ty Cổ phần.

### ● 2002

- Đối tác chỉ định đầu tiên cung cấp công nghệ cao trong các dự án mạng quang của Cisco tại Việt Nam.
- Một trong 3 đối tác ATP của Cisco tại khu vực ASEAN và thứ 7 toàn châu Á.

### ● 2006

- Đạt giải thưởng Top Optical Partner FY 2006 của Cisco.

### ● 2007

- Đối tác Bạc (Silver Partner) của Cisco.

### ● 2010

- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2010.
- Chứng chỉ “Global Silver Engineering Partner” của Huawei.

### ● 2011

- Chứng nhận “Đối tác triển khai giải pháp Viễn thông xuất sắc nhất năm 2011” của IBM.

### ● 2012

- Đạt chứng chỉ CMMi level 3.
- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2012.
- Top 200 DNTN đóng thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam.

### ● 2013

- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2013.
- Top 200 DNTN đóng thuế thu nhập lớn nhất VN.

### ● 2014

- Nhận Giải thưởng: 30 doanh nghiệp CNTT hàng đầu Việt Nam 2014.
- Nhận Giải thưởng: “Managed Service Partner” và “Top Service SI Partner” của Cisco Systems.

### ● 2018

- Năm thứ 5 liên tiếp lọt vào Top 50 Doanh nghiệp CNTT hàng đầu Việt Nam.
- Top doanh nghiệp Giải pháp phần mềm và Tích hợp hệ thống uy tín năm 2018.

### ● 2019

- Lần thứ 6 liên tiếp nhận danh hiệu Doanh nghiệp Công nghệ Thông tin hàng đầu Việt Nam.

### ● 2020

- Top 10 Doanh nghiệp Công nghệ cung cấp dịch vụ, giải pháp phần mềm & tích hợp hệ thống uy tín.
- Top 10 Doanh nghiệp CNTT hạng mục Dịch vụ và Giải pháp CNTT.

### ● 2021

- Top 10 Doanh nghiệp CNTT Việt Nam hạng mục Cung cấp dịch vụ & Giải pháp CNTT năm thứ 8 liên tiếp
- Nhận giải thưởng “Vinh danh đóng góp nổi bật” từ hãng ZTE

### ● 2022

- Top 10 doanh nghiệp cung cấp giải pháp CNTT.

### ● 2023

- Top 10 Doanh nghiệp CNTT mảng Dịch vụ - Giải pháp CNTT

## 1.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực viễn thông;
- Dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực tin học;
- Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực tin học;
- Xây dựng hạ tầng viễn thông, các hệ thống trung tâm dữ liệu (Data center);
- Xây lắp công trình viễn thông;
- Dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông và tin học;
- Đại lý xổ số.

Địa bàn kinh doanh:

# 63

Tỉnh/thành phố  
trong cả nước.



## 1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý





## 1.4. Định hướng phát triển

### 1.4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

#### Sứ mệnh:

Công ty CTIN cam kết là đối tác kỹ thuật tin cậy đồng hành cùng Chính phủ và Doanh nghiệp trong công cuộc chuyển đổi số, góp phần tạo nên động lực phát triển mới cho doanh nghiệp Việt và những giá trị mới cho cuộc sống của người dân Việt.

#### Tầm nhìn:

Công ty CTIN không ngừng nỗ lực và đổi mới để trở thành một **CÔNG TY CÔNG NGHỆ HÀNG ĐẦU VIỆT NAM** cung cấp các giải pháp, sản phẩm và dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin.

#### Mục tiêu:

- Dẫn đầu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ Tích hợp hệ thống thị trường nhà mạng viễn thông truyền thống.
- Top 5 công ty dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia.
- Doanh thu dịch vụ số tăng gấp 10 lần vào năm 2026.

#### Giá trị cốt lõi:

**Customer centric - Lấy khách hàng là trung tâm:** Sứ mệnh của mỗi người CTIN là mang tới cho khách hàng những trải nghiệm tốt nhất về sản phẩm và dịch vụ.

**Innovation - Đổi mới sáng tạo:** Không có sáng tạo có nghĩa là dừng lại. Những ý tưởng sáng tạo dù là nhỏ nhất cũng là động lực cho sự phát triển, vì vậy mỗi người CTIN sẽ luôn phát huy tinh thần đổi mới sáng tạo để trở nên tốt hơn, hoàn thiện hơn mỗi ngày, để cùng nhau làm nên một CTIN giàu sức sống và luôn tiến về phía trước.

**Thirst - Khát vọng vươn lên:** Khát vọng là sức mạnh giúp chúng ta vượt qua những khó khăn và thử thách, là động lực thúc đẩy chúng ta cố gắng để đưa Công ty vươn lên tầm cao mới.

**Nonstop Learning - Học tập không ngừng:** Thế giới đang thay đổi một cách nhanh chóng, chúng ta cần liên tục cập nhật những kiến thức mới và bằng nhiều cách học mới để làm chủ hiện tại và bắt kịp tương lai.

**Cooperation - Hợp tác để cùng thành công:** Hợp tác giúp cộng hưởng sức mạnh để tạo nên những giá trị gia tăng. Hợp tác để cùng nhau thành công là cách mà mỗi người CTIN chọn để đi đến thành công.

## 1.4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn đối với thị trường nhà mạng viễn thông truyền thống:

- Tập trung tăng trưởng doanh thu trong lĩnh vực tích hợp hệ thống để giữ vững vị trí số 1 tại 2 nhà mạng truyền thống VNPT và Mobifone, đồng thời phát triển mở rộng thị phần tại thị trường Viettel;
- Nỗ lực thúc đẩy lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận hành thuê cho các nhà mạng, trở thành đối tác về kỹ thuật công nghệ theo hình thức chia sẻ lợi ích.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn đối với thị trường Chính phủ - Doanh nghiệp:

- Triển khai đa dạng hóa các giải pháp tích hợp cao;
- Tham gia sâu rộng vào các chương trình mua sắm đầu tư công của Chính phủ và các doanh nghiệp lớn;
- Nâng cao năng lực tư vấn cho khách hàng lựa chọn các giải pháp đầu tư, giúp khách hàng mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tập trung phát triển các dự án đầu tư, vận hành thuê và thu phí cho các đối tượng khách hàng trong thị trường Chính phủ - Doanh nghiệp.



### Chiến lược phát triển trung và dài hạn đối với mảng dịch vụ số:

- Thúc đẩy mô hình liên kết/ hợp tác với các đối tác và các nhà mạng nhằm cung cấp các giải pháp, sản phẩm và dịch vụ số cho các khách hàng Chính phủ - Doanh nghiệp với thương hiệu chung của Tập đoàn VNPT;
- Hợp tác với các nhà khai thác dịch vụ viễn thông - tin học nhằm cung cấp các dịch vụ số cho khách hàng tiêu dùng cuối cùng (B2C). Đồng thời, khai thác dữ liệu khách hàng (big data mining) nhằm phát triển thêm các dịch vụ.



### 1.4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Xây dựng môi trường làm việc đảm bảo an toàn, bình đẳng, không phân biệt đối xử, dân chủ, minh bạch, chăm lo đời sống sức khỏe và tinh thần nhân viên;
- Xây dựng vườm ươm nhân tài thông qua các hoạt động tìm kiếm, phát hiện, đào tạo, xây dựng lộ trình thăng tiến đảm bảo thu nhập, phúc lợi;
- Khuyến khích, tạo điều kiện để Người lao động cân bằng giữa công việc và cuộc sống, tham gia, đóng góp tích cực vào các hoạt động phục vụ Cộng đồng;
- Công ty CTIN đảm bảo, bảo vệ quyền lợi của Cổ đông, Chủ sở hữu Công ty được quy định tại điều lệ Công ty và theo pháp luật Việt Nam thông qua việc minh bạch thông tin, mô hình quản trị Công ty với các hệ thống kiểm soát rủi ro chặt chẽ, áp dụng các hệ thống tiêu chuẩn quản lý chất lượng...;
- Bên cạnh các mục tiêu phát triển bền vững về xã hội, cộng đồng, Công ty CTIN đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường, sử dụng các nguồn tài nguyên một cách tiết kiệm và hiệu quả.

## HỘI THAO VNPT KHU VỰC HÀ NỘI LẦN THỨ VI, NĂM 2023

Ngày 26 tháng 8 năm 2023

“

Công ty CTIN đã và đang tổ chức thực hiện các chương trình thu hút nhân tài, xây dựng môi trường làm việc, chế độ, chính sách khen thưởng, chính sách phúc lợi, truyền thông nội bộ, chương trình kiểm toán nội bộ định kỳ...nhằm hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững nêu trên.

”







## 1.5. Các rủi ro

**Rủi ro về tài chính:** Lãi suất tăng, tỷ lệ lạm phát tăng, biến động tỷ giá...gây những ảnh hưởng không tốt đến tình hình tài chính, kinh doanh của Công ty.

**Rủi ro về năng lực cạnh tranh:** Trong những năm gần đây, Công ty đã và đang đối diện với rủi ro về năng lực cạnh tranh với các đối thủ mới, phát triển nhanh, bộ máy tinh gọn sử dụng nhiều cách như giảm giá, chịu lỗ để giành thị phần.

**Rủi ro về bảo mật thông tin và an ninh mạng:** Thông tin là tài sản quan trọng đối với doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh doanh nghiệp đang trong giai đoạn số hóa, chuyển đổi số, việc lộ thông tin/bị tấn công mạng có thể hưởng nghiêm trọng đến kinh doanh, uy tín, chiến lược phát triển của Công ty.

**Rủi ro về công nghệ:** Trước những thay đổi nhanh chóng từ cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, Công ty đối mặt với rủi ro không nắm bắt kịp, ứng dụng các công nghệ mới, ảnh hưởng đến khả năng thích ứng và cạnh tranh trong bối cảnh kinh doanh của ngành ngày càng cạnh tranh mạnh mẽ.

**Rủi ro về nguồn nhân lực chất lượng cao:** Thị trường nhân lực ngành công nghệ thông tin có nhu cầu rất lớn và mức độ cạnh tranh cao, vì vậy Công ty luôn phải đối mặt với rủi ro mất nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao.



## 2. Tình hình hoạt động trong năm

- 2.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2.2 Tổ chức và nhân sự
- 2.3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 2.4 Tình hình tài chính
- 2.5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.
- 2.6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



## 2.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

### Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được năm 2023 so với kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	% hoàn thành kế hoạch
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.600	1.526,69	95%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	33	14,92	45%

### Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được năm 2023 so với năm 2022:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	% Tăng/giảm
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.382,40	1.526,69	10%
2	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Tỷ đồng	41,12	10,00	-76%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	22,93	20,03	-13%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	18,89	14,92	-21%
5	Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.453,74	1.441,23	-0,9%
6	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	662,28	643,08	-2,9%
7	BVPS (31/12)	Đồng	20.577	19.981	-2,9%
8	EPS	Đồng	531,06	463,69	-21%

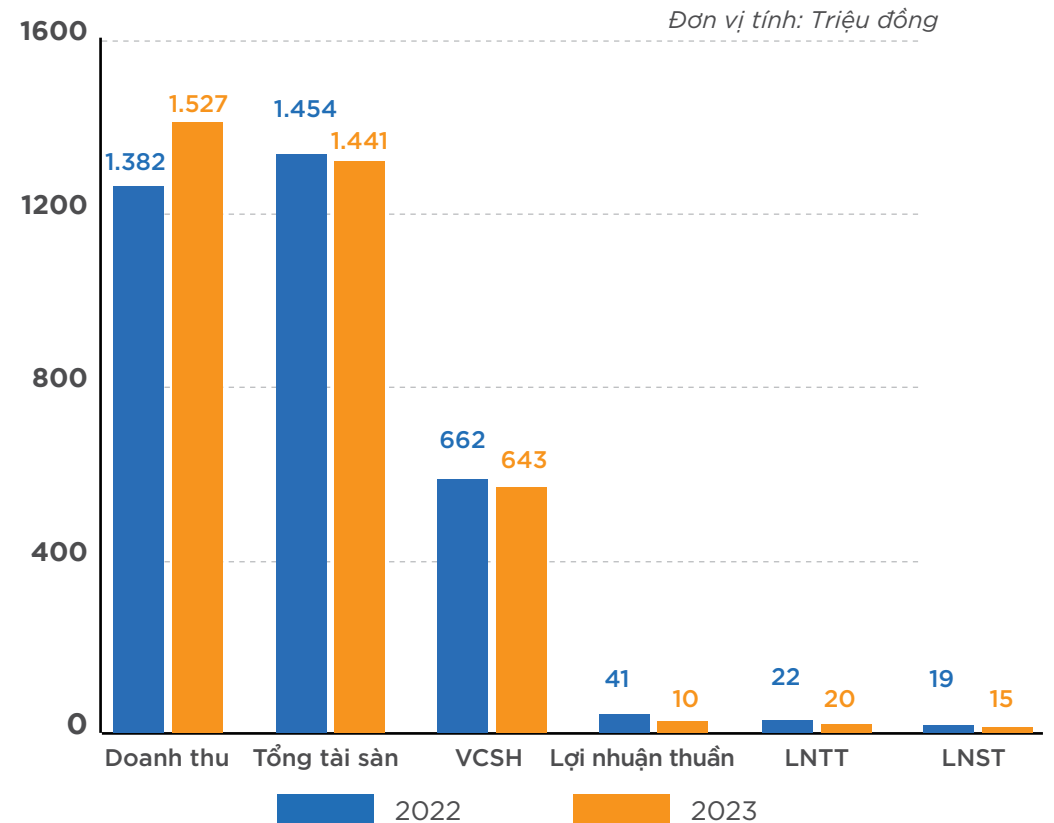
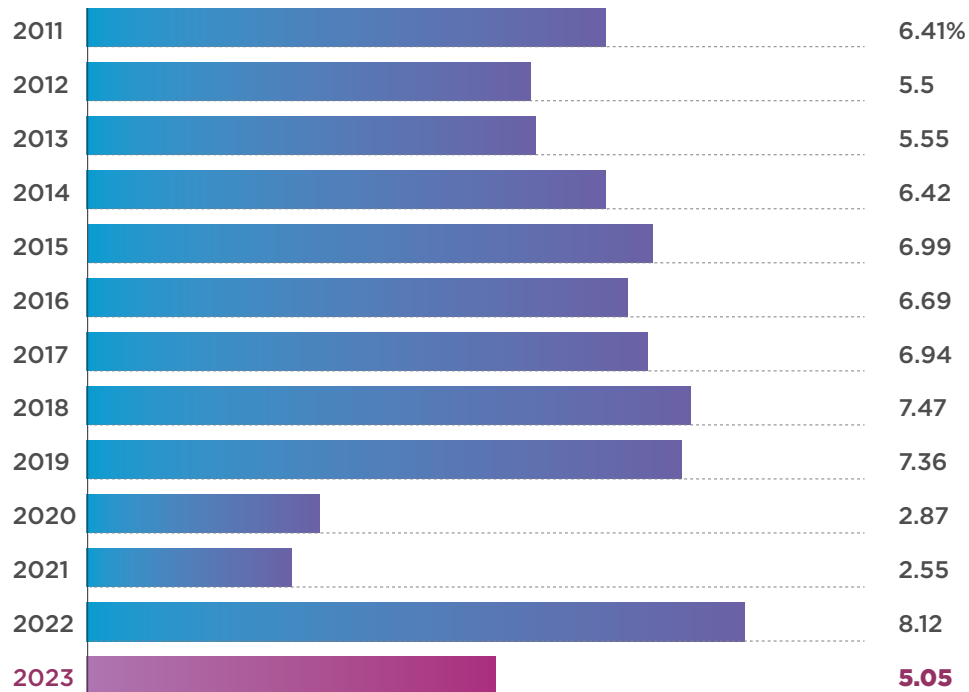


Nền kinh tế Việt Nam trải qua năm 2023 với nhiều khó khăn và thách thức. Tăng trưởng kinh tế năm 2023 ước tính đạt 5,05%, hoàn thành 78% kế hoạch mục tiêu tăng trưởng do Quốc hội đề ra (6,5%). Tăng trưởng kinh tế năm 2023 thấp hơn so với năm 2022 3,07%, thấp nhất trong giai đoạn từ 2011 đến nay, ngoại trừ hai năm nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid - 19 là năm 2020 (2,87%) và năm 2021 (2,55%).

Cùng với đó, kinh tế thế giới năm 2023 xảy ra nhiều vấn đề bất ổn liên quan đến chính trị, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... Kinh tế thế giới vẫn chưa có dấu hiệu ổn định trở lại, gây ra những ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế Việt Nam. Công ty CTIN cũng không nằm ngoài ngoại lệ, mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty đã có sự cải thiện so với năm 2022, tuy nhiên, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 chưa đạt được theo kế hoạch đề ra, cụ thể:

- Tổng doanh thu năm 2023 đạt **1.526,69 tỷ đồng, tăng 10%** so với năm 2022, hoàn thành 95% kế hoạch đề ra.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng **16%** so với năm 2022, đạt **1.495,87 tỷ đồng.**
- Tỷ suất Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 đạt 7,65%, tăng 1,39% so với năm 2022.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 20 tỷ đồng, giảm 13% so với năm 2022.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 14,92 tỷ đồng, giảm 21% so với năm 2022, hoàn thành 45% kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).

### Tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2011-2023



## 2.2. Tổ chức và nhân sự

### 2.2.1 Giới thiệu Ban điều hành: Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Hoàng Anh Lộc	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Hà Thanh Hải	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc
3	Ông Tô Hoài Văn	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Lưu Công Nguyên	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Ông Nguyễn Thế Thịnh	Thành viên Hội đồng quản trị



#### Ông Hoàng Anh Lộc

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1972

#### Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Kỹ sư nhiệt Công nghiệp.

#### Quá trình công tác:

Hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin và viễn thông, cụ thể:

- Từ tháng 09/1994 đến nay: Công tác tại Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).
- Từ tháng 01/2003 đến tháng 12/2009: Phó Phòng kinh doanh Công ty CTIN.
- Từ tháng 01/2010 đến tháng 10/2016: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Kinh doanh Công ty CTIN.
- Từ tháng 11/2016 đến 6/2022: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CTIN.
- Từ 30/06/2022 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CTIN.



### Ông Hà Thanh Hải

Chức danh: Thành viên Hội đồng quản trị  
Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1976



### Ông Tô Hoài Văn

Chức danh: Thành viên Hội đồng quản trị  
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1964

#### Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Điện – Điện tử
- Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng
- Cử nhân Chính trị học chuyên ngành Chính trị học Phát triển
- Thạc sĩ Quản lý Kinh doanh
- Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh

#### Quá trình công tác:

Hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin và viễn thông, cụ thể:

- Từ tháng 04/2001 đến tháng 03/2008: Kỹ sư, chuyên viên bán hàng tại Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện.
- Từ tháng 09/2007 đến tháng 09/2017: Cán bộ biệt phái của Công ty Công ty CTIN, thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội.
- Từ tháng 11/2016 đến tháng 09/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty CTIN.
- Từ tháng 05/2017 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CTIN.
- Từ tháng 09/2018 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CTIN.

#### Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Kinh tế
- Kỹ sư máy tính.

#### Quá trình công tác:

Hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin và viễn thông, cụ thể:

- Từ tháng 01/1990 đến tháng 11/1991: Kỹ sư máy tính viện vật lí – Viện khoa học Việt Nam.
- Từ tháng 11/1991 đến tháng 09/1992: Kỹ sư máy tính – phân xưởng tổng đài tại Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I.
- Từ tháng 09/1992 đến tháng 03/1994: Phó phòng kinh tế Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I.
- Từ tháng 03/1994 đến 04/1996: Trưởng phòng kế hoạch Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I.
- Từ tháng 04/1996 đến tháng 11/2001: Phó Giám đốc Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I.
- Từ tháng 11/2001 đến nay: Thành viên Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CTIN.





### Ông Nguyễn Thế Thịnh

Chức danh: Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1964

#### Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Kỹ sư nhiệt Công nghiệp.

#### Quá trình công tác:

Hơn 40 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin và viễn thông, cụ thể:

- Từ tháng 12/1987 đến tháng 04/1992: Kỹ sư Viện thiết kế kỹ thuật Thương mại – Bộ Nội thương.
- Từ tháng 04/1992 đến tháng 12/2001: Công tác Xí nghiệp Khoa học sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty CTIN).
  - Từ tháng 02/1996 đến tháng 12/1998: Phó phòng kinh tế Xí nghiệp Khoa học sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).
  - Từ tháng 01/1999 đến tháng 12/2001: Trưởng phòng kinh doanh Công ty Công ty CTIN.
- Từ tháng 01/2002 đến tháng 09/2009: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng kinh doanh Công ty CTIN.
- Từ tháng 10/2009 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CTIN.
- Từ tháng 10/2009 đến 30/06/2022: Phó Tổng Giám đốc Công ty CTIN.
- Từ tháng 01/2018 đến 31/12/2021: Được Công ty điều động biệt phái giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội.
- Từ tháng 1/2022 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội.



### Ông Lưu Công Nguyên

Chức danh: Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1973

#### Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Kinh tế

#### Quá trình công tác:

Hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin và viễn thông, cụ thể:

- Tháng 05/1995 đến tháng 02/2020: Làm việc tại Công ty Hoàng Đạo, các chức danh: Nhân viên kế toán, Kế toán trưởng, Phó Giám đốc, Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT.
- Tháng 02/2020 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP kỹ thuật số Việt, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty ZDS.
- Tháng 06/2022 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CTIN.

## 1.2 Thành viên Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Đình Du	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Nguyễn Thành Hiếu	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Thuý Hà	Thành viên Ban kiểm soát



**Bà Nguyễn Thị Thuý Hà**  
Chức danh: Thành viên Ban kiểm soát

**Năm sinh:** 1975

### Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân chuyên ngành kế toán
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

### Quá trình công tác:

Công tác tại Ban Kế toán Tài chính – Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

Thành viên Ban kiểm soát **Công ty CTIN** từ ngày 19/6/2020.



**Ông Nguyễn Đình Du**  
Chức danh: Trưởng Ban kiểm soát

**Năm sinh:** 1972

### Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Công nghệ thực phẩm
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

### Quá trình công tác:

Hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin và viễn thông, cụ thể:

- Từ năm 1997 đến năm 2002: Chuyên viên tư vấn tài chính, kinh doanh và thuế, Công ty TNHH Andersen Việt Nam.
- Năm 2002: Chuyên viên tư vấn thuế, Công ty TNHH KPMG Việt Nam.
- Từ năm 2003 đến năm 2007: Chuyên viên, Vụ Chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Từ năm 2007 đến năm 2009: Trưởng phòng Kinh doanh Ngoại hối & Thị trường vốn, Ngân hàng HSBC Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội.
- Từ năm 2009 đến năm 2014: Phó Tổng giám đốc Dịch vụ thuế kiêm Trưởng bộ phận Quản trị nguồn nhân lực, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Nexia ACPA.
- Từ năm 2014 đến năm 2022: Phó Tổng giám đốc Dịch vụ Thuế, Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam).
- Từ ngày 30/6/2022 đến nay: Trưởng ban kiểm soát **Công ty CTIN**.



**Ông Nguyễn Thành Hiếu**  
Chức danh: Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1974

#### Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Vật lý
- Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng.

#### Quá trình công tác:

Gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin và viễn thông, cụ thể:

- Từ năm 1995 đến năm 1999: Cán bộ kỹ thuật Trung tâm ứng dụng công nghệ Viễn thông mới (nay là Trung tâm Công nghệ viễn thông), Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I
- Từ năm 1999 đến năm 2001: Phó trưởng Trung tâm ứng dụng công nghệ viễn thông mới (nay là Trung tâm Công nghệ viễn thông), Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I
- Từ năm 2001 đến nay: Phó Giám đốc Kinh doanh, Công ty CTIN.
- Từ tháng 10/2019 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CTIN.

### 1.3. Thành viên Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức danh
1	* Ông Hà Thanh Hải	Tổng Giám đốc
2	* Ông Tô Hoài Văn	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Lê Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc

\* Chi tiết tại phần giới thiệu Hội đồng quản trị.



**Ông Lê Thanh Sơn**  
Chức danh: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1972

#### Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế phát triển

#### Quá trình công tác:

Hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin và viễn thông, cụ thể:

- Từ tháng 04/1999 đến nay: Công tác tại Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin (nay là Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện)
- Từ tháng 01/2010 đến tháng 12/2020: Phó Giám đốc Kinh doanh
- Từ tháng 01/2021 đến nay: Giám đốc Kinh doanh.
- Từ ngày 30/6/2022 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CTIN.





**Ông Nguyễn Ngọc Sơn**  
Chức danh: Kế toán trưởng

Năm sinh: 1972

### Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Tài chính – Tín dụng

### Quá trình công tác:

Hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, tài chính, cụ thể:

- Từ tháng 10/1993 đến tháng 09/1998: Công tác tại phòng Kế toán thống kê tài chính, Công ty Xi măng Hà Tiên II.
- Từ tháng 09/1998 đến tháng 10/1999: Công tác tại phòng Kế toán thống kê tài chính, Công ty Xi măng Bút sơn.
- Từ tháng 11/1999 đến nay: Công tác tại Phòng Tài chính, Xí nghiệp Khoa học sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty CTIN).
  - Từ tháng 11/1999 đến tháng 11/2009: Nhân viên Phòng tài chính;
  - Từ tháng 11/2001 đến tháng 07/2017: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CTIN;
  - Từ tháng 07/2007 đến tháng 04/2016: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CTIN;
  - Từ tháng 12/2009 đến tháng 02/2016: Phó Giám đốc tài chính Công ty CTIN;
  - Từ tháng 02/2016 đến tháng 11/2016: Phó Giám đốc tài chính – Phụ trách phòng Tài chính Kế toán tại Công ty CTIN;
  - Từ tháng 05/2017 đến 29/06/2021: Thành viên HĐQT Công ty CTIN;
  - Từ tháng 11/2016 đến đến nay: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính Công ty CTIN.





## 2.2. Nhân sự và những chính sách đối với người lao động:

Tổng số lao động năm 2023:  
382 người, với trình độ như sau:

34

Lao động có trình độ trên Đại học

257

Lao động có trình độ Đại học & tương đương

38

Lao động có trình độ Cao đẳng & tương đương

37

Lao động có trình độ Trung cấp & tương đương

16

Lao động có trình độ Công nhân & Tốt nghiệp PTTH

**76%** nhân sự của Công ty có trình độ trên đại học và đại học. Nhân sự kỹ thuật sở hữu các chứng chỉ của các hãng công nghệ nổi tiếng trên thế giới như Cisco, Dell, EMC, Huawei, Juniper, Vmware, Oracle, IBM, Commscope...**trong đó phải kể đến số lượng nhân sự Công ty sở hữu chứng chỉ cao nhất của hãng Cisco - chứng chỉ CCIE: 09, chứng chỉ quản lý dự án của PMI - PMP: 09...**



## - Chế độ làm việc:

Thời gian và chế độ làm việc của Công ty hợp lý, đảm bảo quyền lợi của Người lao động theo đúng quy định của Bộ Luật Lao động. Người lao động được trang bị đầy đủ các công cụ, điều kiện, môi trường làm việc tốt nhất.



## - Chính sách đãi ngộ, tuyển dụng, đào tạo:

- Xây dựng chính sách quản trị nhân tài, chính sách lương và phúc lợi với những tiêu chuẩn, điều khoản cụ thể để thu hút và giữ chân nhân tài, lao động có trình độ, chuyên môn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Công tác đào tạo là một hoạt động quan trọng để đảm bảo chất lượng của nguồn nhân lực, giúp hiện thực hóa mục tiêu chiến lược Công ty để ra nên Công ty đã và đang xây dựng các chính sách đào tạo theo đúng định hướng chiến lược phát triển kinh doanh. Đầu tư cho các hoạt động đào tạo nhằm nâng cao năng lực cốt lõi của công ty: năng lực kỹ thuật, quản lý dự án, đồng thời là các hoạt động đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý;



- Cán bộ nhân viên được tham gia và hưởng các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định. Bên cạnh đó Công ty có các chế độ phúc lợi khác như: thường xuyên tổ chức các hoạt động tham quan, nghỉ mát hàng năm cho Cán bộ nhân viên, thưởng trong các dịp lễ tết, từ đó tạo niềm tin, sự gắn kết và tạo động lực phấn đấu cho người lao động, đóng góp vào sự phát triển của Công ty;

- Hàng năm, Công ty thực hiện chế độ nghỉ dưỡng sức cho nhân viên đi kèm những chính sách đãi ngộ khác như: tổ chức khám bệnh định kỳ hàng năm, tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao, chăm sóc thiếu niên nhi đồng là con em của cán bộ nhân viên Công ty thông qua các tổ chức đoàn thể của Công ty.





## 2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Một số khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty CTIN:

STT	Đầu tư dài hạn	Giá gốc (VND)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	20.000.000.000
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	12.000.000.000
3	Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Việt Nam	8.049.000.000
4	Công ty Cổ phần ITTA	3.200.000.000
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625.000.000
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ An toàn thông tin thành phố Hồ Chí Minh	22.500.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>66.374.000.000</b>



Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện một số dự án lớn:

STT	Dự án	Khách hàng
1	Cung cấp, lắp đặt thiết bị mở rộng mạng MANE vùng 28 tỉnh, thành phố	Tổng công ty Hạ tầng mạng
2	Mở rộng hệ thống truyền dẫn Đông Bắc năm 2022	Tổng công ty Hạ tầng mạng
3	Cung cấp, triển khai hệ thống thiết bị chuyển mạch, định tuyến lớp lõi, lớp tổng hợp các vòng MAN-Ring	Cục Bưu điện trung ương
4	Cung cấp thiết bị cho thư viện các trường Trung học cơ sở thuộc các tỉnh khu vực Miền Nam	Ban QLDA giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2
5	Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025	VNPT Quảng Nam
6	Cung cấp hệ thống mạng tại Trung tâm dữ liệu chính, Trung tâm dữ liệu dự phòng của Tổng cục Thuế và dịch vụ triển khai. DC- DR	Tổng cục thuế
7	Đầu tư hạ tầng máy chủ Digital Intel phục vụ ngân hàng 100% vốn của MB tại Campuchia	Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội – Chi nhánh MB Campuchia
8	Tăng cường an toàn an ninh bảo mật cho các đơn vị cấp 4	Công ty công nghệ thông tin Điện lực miền bắc – Chi nhánh Tổng Công ty điện lực Miền Bắc

## 2.4. Tình hình tài chính

### 2.4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.454	1.441	-1%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.293	1.496	16%
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	73	14	-81%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Tỷ đồng	41	10	-76%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	(18)	10	155%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	23	20	-13%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	19	15	-21%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	10%	Dự kiến 5%	-50%

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán ngắn hạn, năng lực hoạt động và khả năng sinh lời năm 2023 của Công ty tốt hơn năm 2022, phản ánh tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2023 có tiến triển hơn so với năm 2022. Riêng chỉ tiêu HĐKD/DTT năm 2023 đạt 0,67% giảm 79% so với năm 2022 do doanh thu hoạt động tài chính năm 2022 của Công ty tăng đột biến nhờ doanh thu từ việc bán Công ty con – CTIN Pay khoảng 46 tỷ đồng.

### 2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	2022	2023	% tăng giảm
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,55	1,52	-1,8%
Hệ số thanh toán nhanh	1,32	1,44	9,0%
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng tài sản	54%	55%	1,7%
Nợ phải trả/VCSH	120%	124%	3,9%
<b>3. Chỉ tiêu năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	4,06	11,59	185,1%
Vòng quay Tổng tài sản	0,89	1,04	16,7%
Vòng quay khoản phải thu	1,43	1,61	12,8%
Vòng quay khoản phải trả	0,89	1,59	79,3%
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số LNST/ Tổng tài sản	1,30%	1,04%	-20,3%
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	2,85%	2,32%	-18,6%
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	1,46%	1,00%	-31,7%
Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	3,18%	0,67%	-79,0%

## 2.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

### 2.5.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: **32.185.000 Cổ phiếu**

Loại cổ phần đang lưu hành: **Cổ phiếu phổ thông.**

Tổng số cổ phiếu chuyển nhượng tự do: **32.185.000 cổ phiếu.**

### 2.5.2. Cơ cấu cổ đông:

STT	Danh mục	Số lượng cổ phiếu	Tỉ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
<b>1</b>	<b>Tổng số lượng cổ phiếu</b>	<b>32.185.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.504</b>	<b>19</b>	<b>1.485</b>
1.1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cổ phần trở lên)	10.117.108	31,43%	1	1	
	Trong nước	10.117.108	31,43%	1	1	
	Nước ngoài	0	0	0	0	
1.2	Cổ đông khác	22.067.892	68,57%	1.503	18	1.485
	Trong nước	21.925.042	68,1%	1.466	12	1.454
	Nước ngoài	142.850	0,44%	37	6	31
1.3	Cổ phiếu quỹ					

Cổ đông lớn tại ngày 31/12/2023: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

- Địa chỉ: 57 Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa, Hà Nội.
- Số CP sở hữu: **10.117.108 CP.**
- Tổng giá trị theo mệnh giá: **101.171.080.000 VNĐ.**
- Tỉ lệ sở hữu: **31,43%.**

### 2.5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Từ thời điểm chuyển đổi thành Công ty cổ phần (12/12/2001), vốn điều lệ của CTIN là 10.000.000.000 đồng, đến nay, Công ty đã có 4 lần tăng vốn. Cụ thể như sau:

Tăng vốn lần 1 – Thời gian phát hành: Năm 2008	
Số lượng cổ phiếu phát hành thành công (cổ phiếu)	10.117.471
Giá trị vốn tăng thêm	101.174.710.000 VND
Vốn điều lệ trước phát hành	10.000.000.000 VND
Vốn điều lệ sau phát hành	111.174.710.000 VND
Hình thức tăng vốn	<p><b>(1) Phát hành 2.705.671 cổ phần thưởng cho cổ đông hiện hữu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ phân bổ quyền: Thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 1:2,7059; nghĩa là cổ đông sở hữu 01 cổ phần cũ được thưởng thêm 2,7059 cổ phần mới theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị.</li> <li>- Ngày chốt Danh sách cổ đông: 08/07/2008.</li> <li>- Ngày phát hành: 08/07/2008.</li> <li>- Số lượng cổ đông: 320.</li> </ul> <p><b>(2) Phát hành 7.411.800 cổ phần cho cổ đông hiện hữu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ phân bổ quyền: Phân phối cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 1:2; nghĩa là cổ đông sở hữu 01 cổ phần cũ (bao gồm cả số cổ phiếu thưởng vừa nhận ở đợt 1) được mua 02 cổ phần phát hành thêm lần này.</li> <li>- Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu cho 7.396.829 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu 12.000 đồng/cổ phiếu cho 14.971 cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa bán hết theo Nghị quyết HĐQT số 05/NQHĐQT/2008 ngày 05/08/2008.</li> <li>- Ngày chốt Danh sách cổ đông: 08/07/2008.</li> <li>- Ngày phát hành: 04/08/2008.</li> <li>- Số lượng cổ đông: 363.</li> </ul>



**Tăng vốn lần 2 – Thời gian phát hành: Năm 2009**

Số lượng cổ phiếu phát hành thành công (cổ phiếu)	522.610
Giá trị vốn tăng thêm	5.226.100.000 VND
Vốn điều lệ trước phát hành	111.177.000.000 VND
Vốn điều lệ sau phát hành	116.400.810.000 VND
Hình thức tăng vốn	<p>Phát hành cổ phần cho cán bộ, nhân viên trong Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá phát hành: 11.000 đồng/cổ phiếu.</li> <li>- Ngày phát hành: 20/08/2009.</li> <li>- Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng:</li> </ul> <p>Từ 20/08/2009 đến 19/08/2011 (Hạn chế chuyển nhượng 2 năm kể từ ngày phát hành theo Quy chế phân phối cổ phiếu cho CBCNV của Công ty CTIN ngày 25/06/2009).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng cổ đông: 183.</li> </ul>

**Tăng vốn lần 3 – Thời gian phát hành: Năm 2010**

Số lượng cổ phiếu phát hành thành công (cổ phiếu)	4.059.919
Giá trị vốn tăng thêm (VND)	40.599.190.000
Vốn điều lệ trước phát hành (VND)	116.400.810.000
Vốn điều lệ sau phát hành (VND)	157.000.000.000
Hình thức tăng vốn	<p><b>(1) Phát hành 3.492.024 cổ phần cho cổ đông hiện hữu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ phân bổ quyền: Phân phối cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:3, nghĩa là cổ đông sở hữu 10 cổ phần cũ được mua 03 cổ phần phát hành thêm. Cổ phần phát hành thêm sẽ được làm tròn theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị.</li> <li>- Giá phát hành: 13.000 đồng/ cổ phiếu cho 3.489.265 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, 15.000 đồng/ cổ phiếu đối với 2.759 cổ phiếu lẻ không bán hết.</li> <li>- Ngày chốt Danh sách cổ đông: 29/06/2010.</li> <li>- Ngày phát hành: 21/07/2010.</li> <li>- Số lượng cổ đông: 472.</li> </ul> <p><b>(2) Phát hành 567.895 cổ phần cho cán bộ, nhân viên trong Công ty:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá phát hành: 15.000 đồng/ cổ phiếu.</li> <li>- Ngày phát hành: 21/07/2010.</li> <li>- Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng: Từ 21/07/2010 đến 20/07/2011 (Hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày phát hành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 Công ty CTIN số 045/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2010).</li> <li>- Số lượng cổ đông: 224.</li> </ul>

<b>Tăng vốn lần 4 – Thời gian phát hành: Năm 2017</b>	
Số lượng cổ phiếu phát hành thành công (cổ phiếu)	16.485.000
Giá trị vốn tăng thêm (VND)	164.850.000.000
Vốn điều lệ trước phát hành (VND)	157.000.000.000
Vốn điều lệ sau phát hành (VND)	321.850.000.000
Hình thức tăng vốn	<p><b>(1) Phát hành 15.700.000 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ phân bổ quyền: Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 1:1; nghĩa là cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu cũ sẽ được thưởng 01 cổ phiếu thưởng.</li> <li>- Ngày chốt Danh sách cổ đông: 20/09/2017.</li> <li>- Ngày phát hành: 20/09/2017.</li> <li>- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: 20/09/2017 – 19/09/2019 (Hạn chế chuyển nhượng 2 năm kể từ ngày phát hành theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 Công ty CTIN số 15/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/05/2017).</li> <li>- Số lượng cổ đông: 498.</li> </ul> <p><b>(2) Phát hành 785.000 cổ phần cho cán bộ nhân viên trong Công ty:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá phát hành: 13.200 đồng /cổ phiếu.</li> <li>- Ngày phát hành: 10/10/2017.</li> <li>- Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng: Từ 10/10/2017 đến 09/10/2019 (Hạn chế chuyển nhượng 2 năm kể từ ngày phát hành theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 Công ty CTIN số 15/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/05/2017).</li> <li>- Số lượng cổ đông: 291.</li> </ul>

## 2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### — 2.6.1. Tác động lên môi trường

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có.

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có.

### — 2.6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm, dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có.

- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có.

### — 2.6.3. Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: 202.317 KW/năm.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.

**Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:** Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của nguồn tài nguyên hữu hạn này đối với nhu cầu chung của xã hội và luôn cố gắng kiểm soát và sử dụng tiết kiệm điện, nước; tạo dựng một văn hóa nội bộ hướng đến môi trường xanh, sạch, đẹp như một nỗ lực không ngừng nghỉ.

Chúng tôi áp dụng thực hiện chương trình tiết kiệm điện, nước trong toàn Công ty và phổ biến đến từng cán bộ nhân viên ý thức được việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn năng lượng này như: Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, không mở cửa sổ, cửa ra vào khi đang bật điều hòa, thay thế các thiết bị tiết kiệm điện năng.

#### — 2.6.4. Tiêu thụ nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: 1.150m<sup>3</sup>/năm.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có.

#### — 2.6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

#### — 2.6.6. Chính sách liên quan đến người lao động



Số lượng lao động:  
**382 lao động.**

**Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:** Cán bộ nhân viên được tham gia và hưởng các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định.

**Bên cạnh đó Công ty có các chế độ phúc lợi khác như:** thường xuyên tổ chức các hoạt động tham quan, nghỉ mát hàng năm cho Cán bộ nhân viên, thưởng trong các dịp lễ tết.

**Hoạt động đào tạo người lao động:** Hàng tháng, Công ty tổ chức các lớp đào tạo nội bộ để phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

**Ngoài ra, trong năm 2023, Công ty đầu tư thuê tổ chức đào tạo chuyên nghiệp thực hiện 02 khóa đào tạo:** đào tạo về đấu thầu và đào tạo về thuyết trình.

#### — 2.6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh việc phát triển sản xuất kinh doanh, trong năm 2023, Công ty CTIN, Công ty Xổ số Điện toán Việt Nam (Vietlott), Thời báo Tài chính Việt Nam đồng sáng lập quỹ xã hội Tâm Tài Việt. Mang trong mình tinh thần “Tài sẻ chia - Tâm lan tỏa” và sứ mệnh “Vì một cộng đồng tốt đẹp hơn”, Quỹ Tâm Tài Việt mong muốn thông qua các hoạt động sẻ chia của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, đặc biệt các cá nhân may mắn sẽ hỗ trợ, giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội.

Tôn chỉ hoạt động và mục đích của Quỹ Tâm Tài Việt: hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, hoạt động tập trung vào mục đích hỗ trợ, khuyến khích sự phát triển giáo dục, đào tạo và tham gia một số hoạt động hỗ trợ y tế, phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định của pháp luật.



#### — 2.6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có





### 3. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

- 3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 3.2. Tình hình tài chính
- 3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 3.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 3.5. Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán
- 3.6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

## 3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được năm 2023 so với kế hoạch và so với năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng.

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	So sánh	
					So với Thực hiện năm 2022	So với Kế hoạch năm 2023
1	Tổng doanh thu	1.382	1.600	1.526	110%	95%
2	Lợi nhuận trước thuế	22,93	-	20,03	87%	-
3	Lợi nhuận sau thuế	18,89	33,00	14,92	79%	45%

- Chỉ tiêu về doanh thu: Doanh thu năm 2023 đạt **1.526 tỷ đồng, hoàn thành 95% kế hoạch của ĐHĐCĐ**, tăng trưởng 10% so với năm 2022.

- Lợi nhuận trước thuế đạt **20,03 tỷ đồng**, bằng 87% lợi nhuận trước thuế năm 2022.

- Lợi nhuận sau thuế đạt **14,92 tỷ đồng**, giảm 21% so với năm 2022, hoàn thành 45% kế hoạch của ĐHĐCĐ năm 2023.

- Một số nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận sau thuế không hoàn thành kế hoạch của ĐHĐCĐ và giảm so với năm 2022:

- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2023 giảm 58,8 tỷ đồng so với năm 2022, do năm 2022 Công ty ghi nhận doanh thu 46 tỷ đồng từ việc chuyển nhượng Công ty con - CTIN Pay;
- Năm 2023 chi phí tiền vay tăng cao, khoảng 27,9 tỷ đồng, theo quy định tại Nghị định 132/2020 ngày 05/11/2020 khi xác định thu nhập chịu thuế phần chi phí lãi vay bị loại trừ chuyển tiếp sang năm sau khoảng 11 tỷ đồng dẫn đến số thuế TNDN 2023 phải nộp tăng 2,2 tỷ đồng tương ứng LNST giảm 2,2 tỷ đồng. Tuy nhiên, cũng theo quy định, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định;
- Một số dự án trọng điểm không thực hiện theo kế hoạch đề ra do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, dẫn đến phát sinh chi phí (vật tư, chi phí thuê kho bãi, vận chuyển, nhân công, ...) để đáp ứng tiến độ, chất lượng, yêu cầu khách hàng;
- Thị trường nhà mạng năm 2023 tiếp tục bão hòa, cạnh tranh khốc liệt về giá, tiềm ẩn nhiều rủi ro về quan hệ khách hàng dẫn đến chi phí bán hàng tăng ~ 31% so với năm 2022, lợi nhuận biên từ các dự án giảm.

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Cải tiến về cơ cấu tổ chức: Cơ cấu tổ chức của Công ty được hoàn thiện theo hướng tinh gọn và tối ưu hơn.
- Tổ chức quản trị công ty theo hướng chuyên nghiệp hóa, tăng cường kiểm tra, giám sát, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả, chú trọng kiểm soát rủi ro, tăng cường khả năng dự báo, chủ động xây dựng các kịch bản kèm hành động ứng phó.
- Cải cách chính sách lương thưởng, tăng năng lực cạnh tranh của Công ty trong việc giữ chân, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng định hướng, lộ trình phát triển đội ngũ kế cận, tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các đơn vị có vai trò chiến lược trong tổ chức.

## 3.2. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2022 (1)	Thực hiện 2023 (2)	Chênh lệch (2)-(1)
<b>1</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.453,74</b>	<b>1.441,23</b>	<b>(12,51)</b>
1.1	Tài sản ngắn hạn	1.223,02	1.208,43	(14,59)
1.2	Tài sản dài hạn	230,72	232,81	2,08
<b>2</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>791,47</b>	<b>798,15</b>	<b>6,69</b>
2.1	Nợ phải trả ngắn hạn	790,33	795,16	4,83
2.2	Nợ phải trả dài hạn	1,14	2,99	1,85
<b>3</b>	<b>Nợ phải trả/Tổng tài sản</b>	<b>0,54</b>	<b>0,55</b>	<b>1,1%</b>
<b>4</b>	<b>Vòng quay tổng tài sản</b>	<b>0,89</b>	<b>1,04</b>	<b>16,7%</b>
<b>5</b>	<b>Vòng quay khoản phải thu</b>	<b>1,43</b>	<b>1,61</b>	<b>12,8%</b>
<b>6</b>	<b>Vòng quay khoản phải trả</b>	<b>0,89</b>	<b>1,59</b>	<b>79,3%</b>

Tình hình tài chính Công ty năm 2023 tương đối ổn định, biến động không nhiều so với năm 2022:

- Tình hình tài sản: Tổng tài sản năm 2023 đạt 1,441 tỷ đồng, giảm 12,51 tỷ đồng so với năm 2022, chủ yếu giảm tài sản ngắn hạn - hàng tồn kho.
- Vòng quay khoản phải thu, vòng quay khoản phải trả, vòng quay tổng tài sản, tỷ suất nợ phải trả/tổng tài sản năm 2023 cao hơn năm 2022, phản ánh tình hình tài chính Công ty năm 2023 tốt hơn.

## 3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Cải tiến về cơ cấu tổ chức: Tiếp tục tái cấu trúc tổ chức theo nhiều hướng nhằm tinh gọn và tối ưu nguồn nhân lực, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động;
- Cải tiến quy trình gia tăng sự phối kết hợp giữa các đơn vị để nâng cao hiệu quả hoạt động;
- Xây dựng định hướng xây dựng, đào tạo, phát triển đội ngũ kế cận, tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các đơn vị có vai trò chiến lược trong tổ chức.

## 3.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2022, 2023 là 02 năm bản lề của nhiệm kỳ 2022 - 2026 trong công cuộc hiện thực hóa tầm nhìn đưa Công ty CTIN trở thành công ty công nghệ hàng đầu Việt Nam. Để thực hiện các mục tiêu đề ra trong nhiệm kỳ 2022 - 2026 (Dẫn đầu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ Tích hợp hệ thống thị trường nhà mạng viễn thông truyền thống, Top 5 công ty dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia và Doanh thu dịch vụ số tăng gấp 10 lần vào năm 2026), Ban Tổng giám đốc Công ty hoạch định việc xây dựng kế hoạch phát triển trong tương lai theo định hướng:

- **Về kinh doanh:** Xác định thị trường mục tiêu trọng yếu, xây dựng định hướng về công nghệ, giải pháp, sản phẩm đối với từng thị trường, khách hàng mục tiêu, xây dựng các kế hoạch mục tiêu theo năm, kịch bản và định hướng hành động.
- **Về Công nghệ:** Bên cạnh các mảng công nghệ truyền thống được coi là thế mạnh của Công ty CTIN, Công ty chấp nhận rủi ro đầu tư vào các xu hướng công nghệ mới có thể tạo ra khả năng bứt phá cho Công ty trong giai đoạn sắp tới, với mục tiêu gia tăng hàm lượng chất xám, giá trị do chính Công ty CTIN tạo ra cho những giải pháp, dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông.



- **Về tài chính:** Xây dựng các chính sách, kế hoạch bảo toàn và sử dụng hiệu quả vốn chủ sở hữu, phát triển vốn vay đảm bảo an toàn.
- **Về tổ chức:** Tổ chức Công ty theo hướng tinh gọn, linh hoạt và hiệu quả.
- **Về quản trị tổ chức:** Quản trị tổ chức theo hướng chuyên nghiệp hóa, sử dụng các công cụ quản trị chiến lược, chuyển đổi số, tin học hóa các hoạt động của Công ty.
- **Về xây dựng thương hiệu và truyền thông:** Hướng tới truyền thông chủ động, đa phương tiện.
- **Về nhân lực:** Tìm kiếm và phát triển nhân tài, xây dựng chính sách đào tạo, lộ trình phát triển sự nghiệp để gắn kết, giữ chân, thúc đẩy sự đóng góp của nhân tài với sự phát triển của Công ty.



### 3.5. Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ: “Chúng tôi đã thực hiện thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để xác định tính hiện hữu, đầy đủ và giá trị của các khoản công nợ phải trả Công ty Star Excellence tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị khoảng 11 tỷ VND. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh các số liệu của khoản mục “Phải trả người bán ngắn hạn” và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 hay không”.

**Giải trình:** Tại thời điểm 31/12/2023 theo số liệu sổ sách kế toán đang ghi nhận khoản phải trả Công ty Star Excellence là 11.080.578.173 đồng. Khi lập báo cáo quyết toán năm 2023 Công ty không thu thập được thư xác nhận công nợ tại ngày 31/12/2023 của Công ty này, trong báo cáo tài chính của Công ty vẫn ghi nhận số nợ phải trả này theo giá trị sổ sách của Công ty. Việc không thu thập được thư xác nhận công nợ tại ngày 31/12/2023 của Công ty trên tại thời điểm quyết toán là thiếu sót của Công ty và sẽ rút kinh nghiệm trong các lần lập báo cáo quyết toán sau.

### 3.6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Tham chiếu đến II.6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.



## 4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

- 4.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 4.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
- 4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## 4.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty



Trong năm 2021 và những tháng đầu năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp, dẫn đến đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế vĩ mô nói chung và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng. Bên cạnh những khó khăn do dịch bệnh Covid – 19, Công ty còn đối mặt với sự sụt giảm đầu tư tại các nhà mạng viễn thông truyền thống do cuối chu kỳ đầu tư 4G và chưa bắt đầu chu kỳ đầu tư 5G. Trong bối cảnh khó khăn này, Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc đã cố gắng nỗ lực tối đa để đảm bảo lợi nhuận của Công ty dương, đảm bảo lợi ích của Cổ đông, duy trì đời sống của cán bộ công nhân viên. Nhờ sự cố gắng, nỗ lực chuẩn bị trong năm 2021, 2022, đến năm 2023 tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty đã có những cải thiện đáng kể, cụ thể kết quả đạt được như sau:

- **Chỉ tiêu về doanh thu:** Doanh thu năm 2023 đạt 1.526 tỷ đồng, hoàn thành 95% kế hoạch của ĐHĐCĐ, tăng trưởng 10% so với năm 2022.



- **Chỉ tiêu về lợi nhuận:** Lợi nhuận trước thuế đạt 20,03 tỷ đồng, giảm 13% so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế đạt 14,92 tỷ đồng, đạt 45% so với kế hoạch ĐHĐCĐ và giảm 21% so với năm 2022. Nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận sau thuế không hoàn thành kế hoạch của ĐHĐCĐ và giảm so với năm 2022 đã được đề cập tại Mục III.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc.

- Trong năm 2023, Công ty được xếp hạng thuộc top 10 doanh nghiệp công nghệ thông tin mảng dịch vụ - giải pháp công nghệ thông tin.

- Công ty đảm bảo minh bạch thông tin, cùng với mô hình quản trị Công ty với các hệ thống kiểm soát rủi ro chặt chẽ, áp dụng các hệ thống tiêu chuẩn quản lý chất lượng...nhằm bảo vệ quyền lợi của Cổ đông, Chủ sở hữu, Công ty theo quy định tại điều lệ Công ty và theo pháp luật Việt Nam.

- Công ty hoàn thành các nghĩa vụ, tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường và xã hội.



## 4.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

02/05 thành viên Hội đồng quản trị (ông Hà Thanh Hải và ông Tô Hoài Văn) kiêm nhiệm các chức vụ chủ chốt trong Ban Tổng Giám đốc Công ty, cùng với kinh nghiệm trên 20 năm trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông, vì vậy, các định hướng chiến lược và quyết sách của Hội đồng quản trị đều được Ban Tổng Giám đốc Công ty nắm rõ và triển khai trong điều hành sản xuất kinh doanh.

## 4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Căn cứ trên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023, các cơ hội kinh doanh năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đặt ra kế hoạch tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận từ 8% đến 10% so với năm 2023, ROE đạt tối thiểu 5%. Để đạt được kế hoạch đề ra, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc xây dựng, thực thi các chương trình, kế hoạch theo định hướng:

- Xây dựng bộ máy tổ chức tinh gọn, linh hoạt, tối ưu, hiệu quả;
- Tối ưu vốn chủ sở hữu, phát triển các nguồn vốn vay an toàn, hiệu quả;
- Chấp nhận rủi ro, đầu tư vào hợp tác nghiên cứu và phát triển các công nghệ mới, gia tăng hàm lượng giá trị do Công ty tạo ra trong sản phẩm, giải pháp;
- Tăng cường sự hợp tác: hợp tác với các Vendor chiến lược, các đối tác chiến lược.



## 5. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị,
4. Ban giám đốc và Ban kiểm soát

## 5.1. Hội đồng quản trị

### 5.1.1. Thành viên và cơ cấu của hội đồng quản trị:

#### — Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu	Số cổ phiếu sở hữu và tỉ lệ %
1	Ông Hoàng Anh Lộc	Chủ tịch Hội đồng quản trị	30/06/2022	Số cổ phiếu sở hữu: 3.522.436; chiếm 10,94 %, trong đó: Số cổ phiếu đại diện cho VNPT: 3.035.132. Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 487.304.
2	Ông Hà Thanh Hải	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	11/05/2017	Số cổ phiếu sở hữu: 4.166.017; chiếm 12,94%, trong đó: Số cổ phiếu đại diện cho VNPT: 4.046.843. Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 119.174.
3	Ông Tô Hoài Văn	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc	11/05/2017	Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 534.239, chiếm 1,66 %.
4	Ông Nguyễn Thế Thịnh	Thành viên Hội đồng quản trị	11/05/2017	Số cổ phiếu sở hữu: 3.317.364; chiếm 10,31 %, trong đó: Số cổ phiếu đại diện cho VNPT: 3.035.132. Số cổ phiếu sở hữu: 282.232.
5	Ông Lưu Công Nguyên	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	30/6/2022	Số cổ phiếu sở hữu: 0; chiếm 0%.

#### — Các chức vụ đang nắm giữ của Hội đồng quản trị tại các Công ty khác

STT	Tên công ty	Chức danh hiện đang nắm giữ
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Ông Hoàng Anh Lộc: Chủ tịch HĐQT
2	Công ty cổ phần ITTA	Ông Hoàng Anh Lộc - Thành viên HĐQT
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Ông Tô Hoài Văn - Phó Chủ tịch HĐQT Ông Nguyễn Thế Thịnh - Thành viên HĐQT
4	Công ty Cổ phần KASATI	Ông Tô Hoài Văn - Chủ tịch HĐQT
5	Công ty Cổ phần KASACO	Ông Tô Hoài Văn - Chủ tịch HĐQT

### 5.1.2. Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị:

Tiểu ban kiểm toán nội bộ.

### 5.1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc: Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Ban Tổng giám đốc Công ty.

- Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm 2023: 04 cuộc họp, với tỷ lệ tham gia của 100% thành viên Hội đồng quản trị. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:



STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2023/NQ/HĐQT-CTIN	05/04/2023	Gia hạn thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2023
2	02/2023/NQ/HĐQT-CTIN	05/04/2023	Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2023
3	03/2023/NQ/HĐQT-CTIN	05/04/2023	Thông qua Lương, thưởng và các khoản chi khác của Ban TGD, Kế toán trưởng, Phụ trách Quản trị Công ty, Thư ký Công ty, Thành viên Tiểu ban kiểm toán
4	04/2023/NQ/HĐQT-CTIN	06/07/2023	Phân bổ thù lao HĐQT, BKS năm 2022
5	05/2023/NQ/HĐQT-CTIN	27/07/2023	Thông qua tổng hạn mức tín dụng năm 2023 - 2024
6	06/2023/NQ/HĐQT-CTIN	28/07/2023	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN SGD
7	07/2023/NQ/HĐQT-CTIN	28/07/2023	Vay vốn, phát hành bảo lãnh và sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoàn Kiếm
8	08/2023/NQ/HĐQT-CTIN	08/09/2023	Phê duyệt chủ trương tham gia đấu thầu gói thầu: “Khảo sát, thiết kế, cung cấp và đo kiểm dung lượng trang bị hệ thống truyền dẫn Backbone”
9	09/2023/NQ/HĐQT-CTIN	05/10/2023	Thông qua việc vay vốn tại và sử dụng dịch vụ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm
10	10/2023/NQ/HĐQT-CTIN	13/10/2023	Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2022
11	11/2023/NQ/HĐQT-CTIN	13/10/2023	Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở thư tín dụng và bảo đảm cấp tín dụng tại Vietinbank

#### 5.1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Thành viên HĐQT độc lập, với hơn 20 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông, cùng với chuyên môn về tài chính, quản trị, điều hành, giúp công tác quản trị của HĐQT minh bạch, kiểm soát hoạt động của ban điều hành và bảo vệ quyền lợi của cổ đông.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Trong năm 2023, Tiểu ban kiểm toán nội bộ đã thực hiện hoạt động kiểm toán hoạt động chuyển văn phòng làm việc của Công ty và kiểm toán 01 dự án kinh doanh điển hình của Công ty.

#### 5.1.5. Danh sách thành viên có Hội đồng tham gia các chương trình về quản trị Công ty:

Không có.



## 5.2. Ban Kiểm soát

### 5.2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

#### — Thông tin về thành viên Ban kiểm soát (BKS):

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỉ lệ% sở hữu cổ phần biểu quyết
1	Ông Nguyễn Đình Du	Trưởng ban Kiểm soát	0	0%
2	Ông Nguyễn Thành Hiếu	Thành viên Ban kiểm soát	406.542	1,26%
3	Bà Nguyễn Thị Thúy Hà	Thành viên Ban kiểm soát	0	0%

### 5.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

#### — Cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham gia	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Nguyễn Đình Du	04	100%	100%
2	Ông Nguyễn Thành Hiếu	04	100%	100%
3	Bà Nguyễn Thị Thúy Hà	04	100%	100%

Ban kiểm soát đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, cụ thể:

- Giám sát tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và thực hiện nghị quyết của Đại hội:

- BKS thực hiện giám sát tư cách Đại biểu cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- BKS giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT và các quyết định của Ban giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo các quy định hiện hành.

- Giám sát hoạt động của HĐQT và Tổng Giám đốc:

- BKS đã giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ 2023 của HĐQT và các quyết định của Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo các quy định hiện hành.
- BKS tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT và thường xuyên xem xét, rà soát các báo cáo kinh doanh định kỳ, báo cáo tài chính của Công ty, nắm bắt các tồn tại, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Từ đó, đưa ra các kiến nghị kịp thời cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu đã được thông qua tại ĐHĐCĐ 2023.
- Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ theo Điều lệ công ty cũng như ủy quyền và phân cấp của HĐQT trong việc ký kết các hợp đồng kinh tế, tổ chức điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày, cũng như hoàn thiện cơ cấu tổ chức công ty, báo cáo định kỳ đầy đủ các nội dung quản trị công ty cho HĐQT và Ban Kiểm soát.
- Tổng Giám đốc thực hiện đúng việc xin ý kiến của Cổ đông, của Chủ tịch HĐQT, HĐQT đối với các giao dịch liên quan đến SXKD theo đúng Điều lệ của Công ty.

- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính 2023:

- Thực hiện thẩm tra báo cáo tài chính theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty. BKS thông báo kịp thời các vướng mắc, tồn tại trong hoạt động SXKD cho Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ.
- BKS nắm bắt đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty trong năm 2023, phân tích báo cáo tài chính định kỳ của Công ty, một số báo cáo quản trị nội bộ và số liệu do Ban Tổng Giám đốc trình bày trong các cuộc họp HĐQT và các bộ phận liên quan cung cấp.
- Thẩm định Báo cáo tài chính kiểm toán 2023 của Công ty.

## 5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

### 5.3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập (VNĐ)
1	Ông Hoàng Anh Lộc	Chủ tịch Hội đồng quản trị	854.240.000
2	Ông Hà Thanh Hải	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	775.040.000
3	Ông Tô Hoài Văn	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc	623.840.000
4	Ông Lê Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	695.840.000
5	Ông Nguyễn Đình Du	Trưởng Ban kiểm soát	587.840.000
6	Ông Nguyễn Thành Hiếu	Thành viên Ban kiểm soát	505.040.000
7	Bà Nguyễn Thị Thúy Hà	Thành viên Ban kiểm soát	0

### 5.3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
1	Ông Nguyễn Thành Hiếu	Thành viên Ban kiểm soát	353.742	1,1%	406.542	1,26%	0%

### 5.3.3. Hợp đồng, giao dịch với người nội bộ:

STT	Giao dịch	Mối quan hệ	Số tiền (VNĐ)
<b>Bán hàng</b>			<b>460.269.450.037</b>
1	Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đông	458.588.503.761
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Cùng thành viên HĐQT	50.000.000
3	Công ty Cổ phần ITTA	Cùng thành viên HĐQT	1.601.726.276
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT	29.220.000
<b>Mua hàng</b>			<b>1.577.840.542</b>
5	Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đông	1.122.199.421
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Cùng thành viên HĐQT	138.161.587
7	Công ty Cổ phần ITTA	Cùng thành viên HĐQT	182.132.643
8	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT	135.346.891
<b>Thu tiền cung cấp hàng hóa - dịch vụ</b>			<b>501.083.360.253</b>
9	Tập đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	Cổ đông	497.821.552.701
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Cùng thành viên HĐQT	82.500.000
11	Công ty Cổ phần ITTA	Cùng thành viên HĐQT	1.962.514.058
12	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà nội	Cùng thành viên HĐQT	1.216.793.494



STT	Giao dịch	Mối quan hệ	Số tiền (VNĐ)
<b>Thanh toán tiền mua hàng hóa - dịch vụ</b>			<b>5.433.061.539</b>
13	Tập đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	Cổ đông	1.576.904.058
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Cùng thành viên HĐQT	3.747.119.486
15	Công ty Cổ phần ITTA	Cùng thành viên HĐQT	87.587.995
16	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà nội	Cùng thành viên HĐQT	21.450.000
<b>Cổ tức đã trả</b>			<b>10.117.108.000</b>
17	Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đông	10.117.108.000
<b>Cổ tức nhận được</b>			<b>1.648.188.000</b>
18	Công ty Cổ phần ITTA	Cùng thành viên HĐQT	377.600.000
19	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT	1.270.588.000
<b>Phải trả khác</b>			<b>704.801.659</b>
20	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT	235.093.367
21	Công ty Cổ phần ITTA	Cùng thành viên HĐQT	469.708.292

### 5.3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty tuân thủ theo các quy định pháp luật về quản trị công ty hiện hành.

## 6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 6.1. Ý kiến kiểm toán:

Chi tiết tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023.

### 6.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Chi tiết tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023.

Nơi nhận:  
- Như trên;  
- Lưu HĐQT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Hà Thanh Hải*



## 6. Báo cáo tài chính

6.1. **Ý kiến kiểm toán:** Theo Phụ lục đính kèm

6.2. **Báo cáo tài chính được kiểm toán:** Theo Phụ lục đính kèm

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN TỔNG HỢP	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 38

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Anh Lộc	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Tô Hoài Văn	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Hà Thanh Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Thế Thịnh	Ủy viên
Ông Lưu Công Nguyên	Ủy viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Hà Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Tô Hoài Văn	Phó Tổng Giám đốc
Lê Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc

#### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hà Thanh Hải.

Ông Hà Thanh Hải đã ủy quyền cho Ông Lê Thanh Sơn ký báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 01/GUQ/CTIN ngày 19 tháng 3 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

## MỤC LỤC

### NỘI DUNG

### TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 38

Số: 463 /VACO/BCKIT.NV2

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 38 bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (gọi chung là "báo cáo tài chính tổng hợp").

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

#### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để xác định tình hiện hữu, đầy đủ và giá trị của khoản công nợ phải trả Công ty Star Excellence tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị khoảng 11 tỷ VND. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh các số liệu của khoản mục "Phải trả người bán ngắn hạn" và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 hay không.

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

#### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

**Chữ Mạnh Hoan**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2023-156-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

**Vũ Mạnh Hùng**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2737-2023-156-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.208.425.515.711</b>	<b>1.223.020.256.346</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>97.331.602.058</b>	<b>203.273.189.687</b>
1. Tiền	111		77.331.602.058	92.873.189.687
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	110.400.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.032.046.620.830</b>	<b>824.012.370.466</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	969.014.845.937	671.517.356.168
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	22.296.996.605	119.541.333.691
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	42.768.289.402	34.515.233.922
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.033.511.114)	(1.561.553.315)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>61.350.575.477</b>	<b>177.112.900.361</b>
1. Hàng tồn kho	141		62.238.738.055	178.001.062.939
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(888.162.578)	(888.162.578)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>17.696.717.346</b>	<b>18.621.795.832</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	17.696.717.346	11.200.533.679
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	5.542.960.578
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	17	-	1.878.301.575
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>232.805.940.318</b>	<b>230.722.054.110</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.370.963.477</b>	<b>1.456.065.109</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	1.370.963.477	1.456.065.109
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>138.331.746.498</b>	<b>127.128.030.907</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	55.514.478.845	42.589.538.116
- Nguyên giá	222		195.608.795.372	187.389.815.293
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(140.094.316.527)	(144.800.277.177)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	82.817.267.653	84.538.492.791
- Nguyên giá	228		87.623.586.394	87.623.586.394
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.806.318.741)	(3.085.093.603)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>9.910.252.224</b>	<b>10.321.402.909</b>
- Nguyên giá	231		18.714.920.748	16.355.372.628
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(8.804.668.524)	(6.033.969.719)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>10.825.185.838</b>	<b>12.403.911.938</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	10.825.185.838	12.403.911.938
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>64.571.024.000</b>	<b>64.764.200.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		66.374.000.000	66.374.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.802.976.000)	(1.609.800.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.796.768.281</b>	<b>14.648.443.247</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	7.796.768.281	14.648.443.247
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.441.231.456.029</b>	<b>1.453.742.310.456</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>798.152.736.426</b>	<b>791.467.287.089</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>795.160.959.770</b>	<b>790.330.478.771</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	421.838.782.450	326.410.935.756
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	2.085.082.354	10.628.380.828
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	16.849.570.987	3.037.407.329
4. Phải trả người lao động	314		15.647.049.159	11.976.814.840
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	8.983.092.033	26.947.532.628
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	7.710.305.020	11.130.268.854
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	34.470.914.337	29.720.784.671
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	276.040.700.893	346.002.680.093
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	2.463.430.686	8.630.547.628
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.072.031.851	15.845.126.144
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.991.776.656</b>	<b>1.136.808.318</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	20	371.310.125	778.215.900
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	2.620.466.531	358.592.418
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>643.078.719.603</b>	<b>662.275.023.367</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>643.078.719.603</b>	<b>662.275.023.367</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		321.850.000.000	321.850.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		321.850.000.000	321.850.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.512.000.000	2.512.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		96.915.896.964	96.915.896.964
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		221.800.822.639	240.997.126.403
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		206.876.799.447	222.106.600.901
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		14.924.023.192	18.890.525.502
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.441.231.456.029</b>	<b>1.453.742.310.456</b>



Lê Thanh Sơn  
Phó Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Ngọc Sơn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương  
Người lập

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	1.495.874.871.666	1.293.296.167.260
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.495.874.871.666	1.293.296.167.260
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	1.381.470.861.374	1.212.348.855.350
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		114.404.010.292	80.947.311.910
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	14.189.646.683	72.985.742.955
7. Chi phí tài chính	22	28	34.032.754.161	33.561.026.002
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		27.846.094.698	16.864.364.163
8. Chi phí bán hàng	25	29	41.994.295.197	32.100.371.899
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	42.568.905.074	47.153.114.372
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		9.997.702.543	41.118.542.592
11. Thu nhập khác	31	31	16.624.122.216	16.122.144.288
12. Chi phí khác	32	32	6.587.725.961	34.308.205.436
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		10.036.396.255	(18.186.061.148)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		20.034.098.798	22.932.481.444
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	5.110.075.606	4.041.955.942
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		14.924.023.192	18.890.525.502
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	463,69	531,06



Lê Thanh Sơn  
Phó Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Ngọc Sơn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương  
Người lập

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.034.098.798	22.932.481.444
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02	12.507.056.747	12.654.968.862
- Các khoản dự phòng	03	(2.890.280.090)	611.440.730
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(511.157.323)	8.117.466.647
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.124.439.348)	(53.997.493.636)
- Chi phí lãi vay	06	27.846.094.698	16.864.364.163
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	51.861.373.482	7.183.228.210
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(204.526.966.186)	173.459.539.589
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	115.762.324.884	242.360.812.103
- Tăng (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	88.711.548.413	(403.708.472.688)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	355.491.299	(12.191.814.825)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(29.130.176.265)	(14.479.180.716)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.856.478.842)	(5.879.427.731)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	56.700.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.708.423.097)	(5.972.025.679)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.468.693.688	(19.170.641.737)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(20.950.497.702)	(4.313.289.433)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	427.272.727	60.000.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	20.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(25.183.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	25.929.259.900
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.318.955.936	7.791.649.527
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.204.269.039)	24.284.619.994
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	736.426.317.935	515.570.801.931
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(806.388.297.135)	(719.995.747.096)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(32.176.950.452)	(52.778.424.959)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(102.138.929.652)	(257.203.370.124)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(105.874.505.003)	(252.089.391.867)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	203.273.189.687	455.350.701.342
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(67.082.626)	11.880.212
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	97.331.602.058	203.273.189.687



Lê Thanh Sơn  
Phó Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Ngọc Sơn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương  
Người lập

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

### I. THÔNG TIN KHAI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100683374 cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 12 năm 2001 và sửa đổi lần thứ 18 vào ngày 14 tháng 6 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 321.850.000.000 VND.

Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: ICT.

Trụ sở hoạt động của Công ty tại: 158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### Tổng số lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 376 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 480 người).

#### Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (Máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất thiết bị truyền thông: Sản xuất các thiết bị trong ngành truyền hình, đầu tư sản xuất thiết bị viễn thông, internet, sản xuất trong lĩnh vực viễn thông;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Đào tạo công nghệ viễn thông, đào tạo công nghệ thông tin;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, hệ thống trung tâm dữ liệu (Data center), các thiết bị trong ngành truyền hình, ứng dụng công nghệ mới để sản xuất thiết bị thông tin, viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Dịch vụ kỹ thuật đo kiểm phục vụ công tác quản lý chất lượng mạng viễn thông;
- Hoạt động viễn thông khác: Đại lý kinh doanh dịch vụ ứng dụng trên mạng internet và viễn thông, dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực viễn thông, cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực viễn thông;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông và tin học;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp: Cung cấp các dịch vụ;
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu: Sản xuất thiết bị bảo vệ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu: Kinh doanh thiết bị bảo vệ;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính: Đầu tư sản xuất máy tính, sản xuất trong lĩnh vực tin học;
- Lập trình máy vi tính: Đầu tư sản xuất sản phẩm phần mềm;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính: Dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực tin học, cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực tin học;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông và tin học bao gồm cả xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị và hệ thống đồng bộ trong lĩnh vực viễn thông và tin học;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng hạ tầng viễn thông, các trung tâm dữ liệu (Data Center), xây lắp công trình viễn thông;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

### I. THÔNG TIN KHAI QUÁT (TIẾP THEO)

#### Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Dịch vụ thanh toán;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển: dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông và tin học;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ: cung cấp các các dịch vụ nghiên cứu công nghệ thông tin;
- Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc: đại lý xổ số, bán lẻ vé số (bán lẻ qua đại lý hưởng hoa hồng);
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Công thông tin: Hoạt động thương mại điện tử, thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; thiết bị điện tử và quang học; thiết bị điện;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Sản xuất linh kiện điện tử, sản phẩm điện tử dân dụng;
- Xuất bản phần mềm;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sản xuất điện: sản xuất điện năng lượng mặt trời (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Truyền tải và phân phối điện.

#### Hoạt động chính

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông và tin học;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp: Cung cấp các dịch vụ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông và tin học bao gồm cả xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị và hệ thống đồng bộ trong lĩnh vực viễn thông và tin học.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

- Chi nhánh - Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (Chi nhánh Hồ Chí Minh): Hạch toán độc lập.
- Chi nhánh - Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện tại Đà Nẵng: Hạch toán độc lập.

#### Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán. Công ty đã trình bày lại khoản mục Bất động sản đầu tư đối với giá trị định tích văn phòng cho thuê như trình bày tại Thuyết minh số 12, chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>52.910.941.025</b>	<b>(10.321.402.909)</b>	<b>42.589.538.116</b>
- Nguyên giá	222	203.745.187.921	(16.355.372.628)	187.389.815.293
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(150.834.246.896)	6.033.969.719	(144.800.277.177)
<b>3. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>-</b>	<b>10.321.402.909</b>	<b>10.321.402.909</b>
- Nguyên giá	231	-	16.355.372.628	16.355.372.628
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	(6.033.969.719)	(6.033.969.719)



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp:

### Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp bao gồm báo cáo tài chính của văn phòng và báo cáo tài chính của các chi nhánh. Các giao dịch và số dư giữa văn phòng và các chi nhánh được loại trừ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

### Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định của Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

### Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính và các khoản vay.

#### Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

*Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào đơn vị khác được trích lập như sau:*

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

#### Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác cùng dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán và theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Khung khấu hao cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao  
(Số năm)

Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị văn phòng	03 - 07
Tài sản cố định khác	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất của Công ty là lâu dài nên không thực hiện trích khấu hao. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Thuế tài sản**

Một khoản thuế được xem là thuế tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuế khác được xem là thuế hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong 25 năm.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí chờ kết chuyển công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, sử dụng phương pháp đường thẳng tối đa không quá ba năm.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí thực tế phát sinh không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi số bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Chi phí phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là các chi phí trích trước chi phí cho các dự án của Công ty và chi phí lãi vay.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản dự phòng phải trả là dự phòng bảo hành thiết bị và các dự án thi công của Công ty.

**Nguồn vốn**

Vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận trên cơ sở thực góp của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập theo quy định của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.

Lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ được phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

##### Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

##### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản dựa trên phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở số thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

##### Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty dựa trên bản chất của các mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các mối quan hệ đó.

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

##### Bên liên quan

Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam  
(bao gồm cả các công ty con, đơn vị hạch toán phụ thuộc)  
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt  
Công ty Cổ phần ITTA  
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội  
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

##### Mối quan hệ

Có đồng lớn

Có cùng lãnh đạo chủ chốt  
Có cùng lãnh đạo chủ chốt  
Có cùng lãnh đạo chủ chốt  
Lãnh đạo chủ chốt

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	220.715.222	413.832.908
Tiền gửi ngân hàng	77.110.886.836	92.459.356.779
Các khoản tương đương tiền (i)	20.000.000.000	110.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>97.331.602.058</b>	<b>203.273.189.687</b>

**Ghi chú:**

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngân hàng thương mại với lãi suất 3,2%/năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan</i>	<i>331.696.453.307</i>	<i>325.659.850.324</i>
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	330.948.334.381	324.709.207.902
Công ty Cổ phần ITTA	745.267.726	948.147.622
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	2.851.200	2.494.800
<i>b) Phải thu khách hàng ngắn hạn là các đối tượng khác</i>	<i>637.318.392.630</i>	<i>345.857.505.844</i>
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	327.183.758.679	132.093.444.993
Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	81.303.054.602	138.458.619.217
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	59.196.490.850	10.639.212.600
Cục Bưu điện Trung ương	51.134.211.890	8.082.500.250
Các đối tượng khác	118.500.876.609	56.583.728.784
<b>Cộng</b>	<b>969.014.845.937</b>	<b>671.517.356.168</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Hạnh Minh	21.917.690.966	4.813.318.620
Payorbit Pte., Ltd	-	97.365.382.500
Ponticulus., Ltd	-	5.243.545.980
Các đối tượng khác	379.305.639	12.119.086.591
<b>Cộng</b>	<b>22.296.996.605</b>	<b>119.541.333.691</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>42.768.289.402</b>	<b>-</b>	<b>34.515.233.922</b>	<b>-</b>
Tạm ứng	1.771.021.789	-	1.492.148.904	-
Ký cược, ký quỹ	115.235.357	-	554.046.566	-
Các khoản phải thu khác	40.882.032.256	-	32.469.038.452	-
<i>Phải thu về hoạt động đổi soạt thanh toán Viettel (i)</i>	<i>21.241.636.899</i>	<i>-</i>	<i>11.069.473.906</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu về cổ tức được nhận</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>482.940.000</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu về chuyển nhượng vốn góp - Công ty TNHH Trí tuệ số Việt VDC (ii)</i>	<i>17.633.753.798</i>	<i>-</i>	<i>20.070.740.100</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>2.006.641.559</i>	<i>-</i>	<i>845.884.446</i>	<i>-</i>
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.370.963.477</b>	<b>-</b>	<b>1.456.065.109</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	1.370.963.477	-	1.456.065.109	-

**Ghi chú:**

- (i) Công ty liên danh cùng Tổng Công ty Truyền thông (VNPT - MEDIA) và Tổng Công ty Viễn thông Mobifone làm Đại lý Xổ số tự chọn số điện toán qua điện thoại di động cho Công ty TNHH MTV Xổ số điện toán Việt Nam theo các Hợp đồng số 01/2020/HĐĐLDT/VIETLOTT-MOBIFONE-CTIN ngày 24 tháng 11 năm 2020 và Hợp đồng số 02/2020/HĐĐLDT/VIETLOTT-VNPTMEDIA-CTIN ngày 19 tháng 12 năm 2020. Số dư Phải thu khác là số tiền nộp mua hạn mức cho Công ty TNHH MTV Xổ số điện toán Việt Nam và phải thu về các công ty vi điện tử về hoạt động bán vé Vietlott.
- (ii) Phản ánh khoản phải thu Công ty TNHH Trí tuệ số Việt VDC về chuyển nhượng khoản đầu tư của Công ty tại Công ty TNHH MTV Thanh toán Viễn thông Tin học Bưu điện.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	742.804.074	-	1.206.039.266	-
Công cụ, dụng cụ	42.961.226	-	44.267.985	-
Chi phí SXKD dở dang	31.995.124.704	-	119.367.200.176	-
Thành phẩm	163.223.443	(41.477.074)	163.223.443	(41.477.074)
Hàng hoá	29.294.624.608	(846.685.504)	57.220.332.069	(846.685.504)
<b>Cộng</b>	<b>62.238.738.055</b>	<b>(888.162.578)</b>	<b>178.001.062.939</b>	<b>(888.162.578)</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>17.696.717.346</b>	<b>11.200.533.679</b>
Chi phí chờ kết chuyển	17.696.717.346	11.200.533.679
<b>b) Dài hạn</b>	<b>7.796.768.281</b>	<b>14.648.443.247</b>
Phân bổ công cụ, dụng cụ (trên 01 năm)	7.796.768.281	14.648.443.247



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		Tài sản cố định khác		Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>											
Số đầu năm	29.426.596.836	42.340.689.622	17.012.933.662	19.290.313.368	79.319.281.805	187.389.815.293					
Mua sắm mới	-	16.467.906.252	3.198.867.071	318.184.000	3.314.664.330	23.299.621.653					
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.165.964.000)	-	(10.555.129.454)	(12.721.093.454)					
Phần loại lại sang BDS đầu tư	(2.359.548.120)	-	-	-	-	(2.359.548.120)					
Số cuối năm	27.067.048.716	58.808.595.874	18.045.836.733	19.608.497.368	72.078.816.681	195.608.795.372					
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LUY KẾ</b>											
Số đầu năm	16.117.911.971	26.247.470.417	9.700.940.383	18.422.302.168	74.311.652.238	144.800.277.177					
Khấu hao trong năm	930.450.964	4.276.863.305	1.728.826.357	360.842.433	2.834.633.646	10.131.616.705					
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.165.964.000)	-	(10.555.129.454)	(12.721.093.454)					
Phần loại lại sang BDS đầu tư	(2.116.483.901)	-	-	-	-	(2.116.483.901)					
Số cuối năm	17.048.362.935	30.524.333.722	9.263.802.740	18.783.144.601	66.591.156.430	140.094.316.527					
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>											
Số đầu năm	13.308.684.865	16.093.219.205	7.311.993.279	868.011.200	5.007.629.567	42.589.538.116					
Số cuối năm	10.018.685.781	28.284.262.152	8.782.033.993	825.352.767	5.487.660.251	55.514.478.845					

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 105.909.248.193 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 117.071.099.249 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 - Vay và nợ thuê tài chính, giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của tài sản gắn liền đất tại địa chỉ ngõ 158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đã dùng để đảm bảo cho khoản vay giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Hội số là 587.147.870 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 979.165.066 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính		Quyền sử dụng đất		Tổng
	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu năm	13.558.738.370	74.064.848.024	87.623.586.394		
Số cuối năm	13.558.738.370	74.064.848.024	87.623.586.394		
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LUY KẾ</b>					
Số đầu năm	3.085.093.603	-	3.085.093.603		
Khấu hao trong năm	1.721.225.138	-	1.721.225.138		
Số cuối năm	4.806.318.741	-	4.806.318.741		
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số đầu năm	10.473.644.767	74.064.848.024	84.538.492.791		
Số cuối năm	8.752.419.629	74.064.848.024	82.817.267.653		

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Tổng
	VND	VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	16.355.372.628	16.355.372.628	
Phân loại lại	2.359.548.120	2.359.548.120	
Số cuối năm	18.714.920.748	18.714.920.748	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LUY KẾ</b>			
Số đầu năm	6.033.969.719	6.033.969.719	
Khấu hao trong năm	654.214.904	654.214.904	
Phân loại lại	2.116.483.901	2.116.483.901	
Số cuối năm	8.804.668.524	8.804.668.524	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu năm	10.321.402.909	10.321.402.909	
Số cuối năm	9.910.252.224	9.910.252.224	

Bất động sản đầu tư bao gồm:

- + 1.711 m<sup>2</sup> (gồm tầng 3+4 Tòa nhà 4 tầng, tầng 2+3 Tòa nhà nhà 3 tầng) tại ngõ 158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- + 1.948 m<sup>2</sup> của Tòa nhà văn phòng 8 tầng tại 435 Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.269.310.500 VND.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 - Vay và nợ thuê tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị còn lại của tài sản gắn liền đất tại địa chỉ ngõ 158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đã dùng để đảm bảo cho khoản vay giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Hội số là 243.064.220 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)**

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày cuối năm cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày cuối năm chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>10.825.185.838</i>	<i>10.825.185.838</i>	<i>12.403.911.938</i>	<i>12.403.911.938</i>
Dầu tư công trình xây dựng cơ bản	10.825.185.838	10.825.185.838	12.403.911.938	12.403.911.938
<i>Trong đó:</i>				
<i>Dự án MobileID cho Vinaphone (i)</i>	<i>8.315.334.449</i>	<i>8.315.334.449</i>	<i>8.315.334.449</i>	<i>8.315.334.449</i>
<i>Dầu tư hệ thống CDN- VNPT với VNNS</i>	<i>1.924.740.000</i>	<i>1.924.740.000</i>	-	-
<i>Dự án xây dựng lập đội khác</i>	<i>585.111.389</i>	<i>585.111.389</i>	<i>4.088.577.489</i>	<i>4.088.577.489</i>

Ghi chú:

- (i) Dự án đang triển khai, được Công ty đầu tư hình thành tài sản cố định nhằm mục đích cho thuê lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>66.374.000.000</i>	<i>(1.802.976.000)</i>		<i>66.374.000.000</i>	<i>(1.609.800.000)</i>	
<i>Dầu tư vào đơn vị khác</i>	<i>66.374.000.000</i>	<i>(1.802.976.000)</i>		<i>66.374.000.000</i>	<i>(1.609.800.000)</i>	
Công ty CP Dịch vụ An toàn thông tin TP. Hồ Chí Minh	22.500.000.000	-	(i)	22.500.000.000	-	(i)
Công ty CP Đầu tư Kỹ thuật số Việt	20.000.000.000	-	(i)	20.000.000.000	-	(i)
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông HN	12.000.000.000	-	(i)	12.000.000.000	-	(i)
Công ty CP Công nghệ Truyền thông Việt Nam (ii)	8.049.000.000	(1.802.976.000)	6.246.024.000	8.049.000.000	(1.609.800.000)	6.439.200.000
Công ty CP ITTA	3.200.000.000	-	(i)	3.200.000.000	-	(i)
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625.000.000	-	(i)	625.000.000	-	(i)

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (ii) Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào cổ phiếu theo quy định hiện hành. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định theo giá giao dịch trên thị trường chứng khoán tại ngày 29 tháng 12 năm 2023.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Tp. Hà Nội	19.00%	19.00%	Thương mại
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Tp. Hà Nội	14.20%	14.20%	Dịch vụ viễn thông
Công ty CP Công nghệ Truyền thông Việt Nam	Tp. Hà Nội	2.20%	2.20%	Dịch vụ viễn thông
Công ty CP ITTA	Tp. Hà Nội	18.88%	18.88%	Dịch vụ viễn thông
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	Tp. Hà Nội	2.50%	2.50%	Dịch vụ viễn thông
Công ty CP Dịch vụ An toàn thông tin TP. Hồ Chí Minh	Tp. Hồ Chí Minh	15.00%	15.00%	Dịch vụ công nghệ thông tin

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả ngắn hạn là bên liên quan</b>	<b>125.463.930</b>	<b>125.463.930</b>	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội (HTE)	125.463.930	125.463.930	-	-
<b>b) Phải trả ngắn hạn là các đối tượng khác</b>	<b>421.713.318.520</b>	<b>421.713.318.520</b>	<b>326.410.935.756</b>	<b>326.410.935.756</b>
Công ty Cổ phần Viễn thông Vinasat Việt Nam	222.249.013.167	222.249.013.167	27.974.708.624	27.974.708.624
Payorbit Pte., Ltd	88.750.972.299	88.750.972.299	-	-
Ciena Communications, Inc.	23.717.404.610	23.717.404.610	-	-
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Phát triển Công nghệ FSI	12.901.460.782	12.901.460.782	-	-
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	8.688.900.802	8.688.900.802	4.774.639.352	4.774.639.352
Công ty Cổ phần ZME	6.619.542.930	6.619.542.930	5.175.908.980	5.175.908.980
Công ty Star Excellence	11.080.578.173	11.080.578.173	10.767.633.202	10.767.633.202
Huawei International Pte Ltd	-	-	188.004.834.712	188.004.834.712
Ericsson AB	-	-	21.261.748.492	21.261.748.492
Công ty TNHH ACE Antenna	221.390.768	221.390.768	14.497.512.133	14.497.512.133
Các đối tượng khác	47.484.054.989	47.484.054.989	53.953.950.261	53.953.950.261
<b>Cộng</b>	<b>421.838.782.450</b>	<b>421.838.782.450</b>	<b>326.410.935.756</b>	<b>326.410.935.756</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông (Infonet)	789.146.078	789.146.078
Tổng Cục Thuế	574.970.000	-
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, TP. Cần Thơ	490.500.000	-
Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh	-	3.766.543.200
Các đối tượng khác	230.466.276	6.072.691.550
<b>Cộng</b>	<b>2.085.082.354</b>	<b>10.628.380.828</b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp/ phải thu trong năm	Số đã thực nộp/ thực thu trong	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	656.664.854	17.475.081.031	7.152.702.484	10.979.043.401
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	47.697.032.251	47.697.032.251	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	23.394.091	23.394.091	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.181.801.786	5.110.075.606	2.856.478.842	4.435.398.550
Thuế thu nhập cá nhân	21.065.614	2.879.850.226	2.817.872.984	83.042.856
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	131.041.088	131.041.088	-
Các loại thuế khác	177.875.075	15.762.211.391	14.588.000.286	1.352.086.180
<b>Cộng</b>	<b>3.037.407.329</b>	<b>89.078.685.684</b>	<b>75.266.522.026</b>	<b>16.849.570.987</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	102.392.558	102.392.558	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.775.909.017	1.775.909.017	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.878.301.575</b>	<b>1.878.301.575</b>	-	-

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí thuê ngoài phục vụ dự án	8.787.681.530	18.188.785.073
Trích trước chi phí lãi vay	195.410.503	3.716.478.375
Chi phí trích trước khác	-	5.042.269.180
<b>Cộng</b>	<b>8.983.092.033</b>	<b>26.947.532.628</b>

**19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là số tiền Công ty đã nhận trước tiền cho thuê mặt bằng, Inbuildings; dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật không quá 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>34.470.914.337</b>	<b>29.720.784.671</b>
Kinh phí công đoàn, các khoản trích theo lương	2.698.004.962	2.369.874.968
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	770.592.790	269.880.015
Có tức, lợi nhuận phải trả	1.259.855.413	1.251.805.865
Khách hàng đặt cọc nộp tiền vào tài khoản để sử dụng dịch vụ của Viettel	17.974.698.945	13.372.008.174
Phải trả về hoa hồng đại lý và trả thưởng	3.729.879.941	4.883.959.460
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.037.882.286	7.573.256.189
<b>b) Dài hạn</b>	<b>371.310.125</b>	<b>778.215.900</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	371.310.125	778.215.900

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Dự phòng phải trả ngắn và dài hạn là khoản dự phòng bảo hành thiết bị và các dự án Công ty thực hiện.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Ghi nợ	Số có khi nâng trả nợ	Tăng	Giảm	Ghi nợ	Số có khi nâng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>276.040.700.893</b>	<b>276.040.700.893</b>	<b>736.426.317.935</b>	<b>806.388.297.135</b>	<b>346.002.680.093</b>	<b>346.002.680.093</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (i)	-	-	165.015.587.448	356.160.137.106	191.144.549.658	191.144.549.658
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch (ii)	130.757.187.369	130.757.187.369	239.718.176.912	195.184.969.643	86.223.920.100	86.223.920.100
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (iii)	143.935.562.524	143.935.562.524	176.809.568.517	32.874.065.993	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shihan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	-	-	-	68.634.210.335	68.634.210.335	68.634.210.335
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình (iv)	1.347.951.000	1.347.951.000	3.449.067.340	2.101.116.340	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	151.433.917.718	151.433.917.718	-	-

**Ghi chú:**

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng với hạn mức là 800.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất cho vay ghi trên từng giấy nhận nợ, khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch với hạn mức: 600.000.000.000 VND, mục đích vay phục vụ hoạt động kinh doanh truyền thông (bán phần, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và phần mềm). Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất (Nhà làm việc 4 tầng) tại địa chỉ 158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với hạn mức 800.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất cho vay ghi trên từng giấy nhận nợ, khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với hạn mức với hạn mức là 20.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	321.850.000.000	2.512.000.000	96.915.896.964	280.793.672.972	702.071.569.936
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	18.890.525.502	18.890.525.502
Trả cổ tức	-	-	-	(53.105.250.000)	(53.105.250.000)
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.581.822.071)	(5.581.822.071)
Số dư cuối năm trước	321.850.000.000	2.512.000.000	96.915.896.964	240.997.126.403	662.275.023.367
Số dư đầu năm nay	321.850.000.000	2.512.000.000	96.915.896.964	240.997.126.403	662.275.023.367
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	14.924.023.192	14.924.023.192
Trả cổ tức (i)	-	-	-	(32.185.000.000)	(32.185.000.000)
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(1.798.378.028)	(1.798.378.028)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	(136.948.928)	(136.948.928)
Số dư cuối năm nay	321.850.000.000	2.512.000.000	96.915.896.964	221.800.822.639	643.078.719.603

**Giải thích:**

(i) Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-DHĐCD ngày 24 tháng 5 năm 2023. Chi tiết:

- Chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 10%/Vốn điều lệ, giá trị là 32.185.000.000 VND. Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông.
- Trích lập quỹ Khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 9,52% Lợi nhuận sau thuế năm 2022, giá trị là 1.798.378.028 VND. Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 136.948.928 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

Tình hình góp vốn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cổ đông tổ chức	103.529.790.000	103.626.480.000
Cổ đông cá nhân	218.320.210.000	218.223.520.000
<b>Cộng</b>	<b>321.850.000.000</b>	<b>321.850.000.000</b>

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Năm nay	Năm trước
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.185.000	32.185.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.185.000	32.185.000
+ Cổ phiếu phổ thông	32.185.000	32.185.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.185.000	32.185.000
+ Cổ phiếu phổ thông	32.185.000	32.185.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Ngoại tệ các loại	
+ USD	273,45	23.661,40
+ EUR	213,63	224,11

**25. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.321.080.907.492	1.118.222.138.792
Doanh thu cung cấp dịch vụ	174.793.964.174	175.074.028.468
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.495.874.871.666</b>	<b>1.293.296.167.260</b>

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.227.474.348.151	1.052.027.255.013
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	153.996.513.223	160.321.600.337
<b>Cộng</b>	<b>1.381.470.861.374</b>	<b>1.212.348.855.350</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.473.048.621	4.581.706.636
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.463.038.594	15.976.612.109
Chiết khấu thanh toán	7.029.441.468	3.071.637.210
Cổ tức nhận được chia	2.224.118.000	3.355.787.000
Lãi chuyển nhượng vốn góp	-	46.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.189.646.683</b>	<b>72.985.742.955</b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	27.846.094.698	16.864.364.163
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.956.617.126	9.388.706.934
Phí LC ngân hàng, phí bảo lãnh	4.034.486.196	5.478.478.542
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	193.176.000	1.609.800.000
Chi phí tài chính khác	2.380.141	219.676.363
<b>Cộng</b>	<b>34.032.754.161</b>	<b>33.561.026.002</b>

**29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	24.987.838.083	25.150.500.264
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.352.798.917	1.364.172.842
Thuế, phí và lệ phí	1.129.236.303	1.181.581.090
Chi phí dự phòng	471.957.799	1.561.553.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.522.038.359	3.125.042.760
Chi phí bằng tiền khác	11.105.035.613	14.770.264.101
<b>Cộng</b>	<b>42.568.905.074</b>	<b>47.153.114.372</b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	15.172.118.707	14.082.374.762
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.219.919.144	100.163.748
Chi phí bảo hành	8.828.343.411	7.850.914.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.824.514.187	1.921.327.519
Chi phí bằng tiền khác	12.949.399.748	8.145.591.747
<b>Cộng</b>	<b>41.994.295.197</b>	<b>32.100.371.899</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.888.090.620	13.537.235.372
Chi phí nhân công	71.817.154.934	96.221.810.921
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.463.938.287	12.654.968.862
Trích lập (Hoàn) nhập dự phòng	(3.024.232.085)	1.561.553.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.187.854.795	195.036.195.026
Chi phí khác bằng tiền	27.145.635.960	45.935.304.560
<b>Cộng</b>	<b>234.478.442.511</b>	<b>364.947.068.056</b>

**31. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thường doanh số	5.025.001.883	5.319.542.434
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.319.382.619	6.754.532.892
Chi phí hoàn nhập bảo hành công trình	6.471.684.059	-
Thanh lý xe ô tô	427.272.727	60.000.000
Thu nhập khác	3.380.780.928	3.988.068.962
<b>Cộng</b>	<b>16.624.122.216</b>	<b>16.122.144.288</b>

**32. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	6.321.247.316	33.697.072.881
Chi phí khác	266.478.645	611.132.555
<b>Cộng</b>	<b>6.587.725.961</b>	<b>34.308.205.436</b>

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.110.075.606	3.181.801.786
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	860.154.156



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP THEO)**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	20.034.098.798	22.932.481.444
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	5.438.907.317	(7.023.472.515)
+ (Lãi)/ Lỗ CLTG đánh giá của khoản mục tiền và phải thu năm nay	(384.797.977)	(958.609.908)
+ Lãi/(lỗ) CLTG đánh giá của khoản mục tiền và phải thu năm trước	958.609.908	78.749.174
+ Trừ: Thu nhập không chịu thuế (i)	(2.224.118.000)	(12.066.026.987)
+ Trừ: Khoản điều chỉnh giảm khác	(4.324.897.978)	-
+ Cộng: Chi phí không được trừ	11.414.111.364	5.922.415.206
- Chi phí lãi vay không được trừ	11.009.704.467	-
- Chi phí không được trừ khác	404.406.897	5.922.415.206
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>25.473.006.115</b>	<b>15.909.008.929</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước</b>	<b>15.474.383</b>	<b>860.154.156</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>5.110.075.606</b>	<b>4.041.955.942</b>

Ghi chú:

(i) Thu nhập không chịu thuế là cổ tức và lợi nhuận được chia của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Trong năm, ngoài các khoản điều chỉnh thu nhập chịu thuế nêu trên, Công ty đánh giá không có khoản chênh lệch nào khác giữa lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp và thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tùy thuộc vào quyết định của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**34. CHI PHÍ LÃI VAY VÀ THỜI GIAN ĐƯỢC CHUYỂN**

**Chi phí lãi vay**

Tổng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh trong từng năm tài chính được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ. Phần chi phí lãi vay không được trừ (tương ứng mức vượt 30% nêu trên) được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản chi phí lãi vay có thể sử dụng để chuyển sang các năm tài chính trong tương lai với chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay không được khấu trừ năm nay, chuyển sang các năm tiếp theo	11.009.704.467	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**34. CHI PHÍ LÃI VAY VÀ THỜI GIAN ĐƯỢC CHUYỂN (TIẾP THEO)**

**Chi phí lãi vay (Tiếp theo)**

Năm	Thời gian được chuyển	Tình trạng quyết toán thuế	Chi phí lãi vay đã loại	Chi phí lãi vay đã chuyển sang	Chi phí lãi vay còn được
			VND	VND	VND
2023	2024 - 2028	Chưa quyết toán	11.009.704.467	-	11.009.704.467
<b>Cộng</b>			<b>11.009.704.467</b>	<b>-</b>	<b>11.009.704.467</b>

Do Công ty chưa dự tính được khi nào được chuyển lãi vay nêu trên nên Công ty chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả tương ứng trên báo cáo tài chính tổng hợp này.

**35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	14.924.023.192	18.890.525.502
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(1.798.378.028)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.924.023.192	17.092.147.474
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	32.185.000	32.185.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	463,69	531,06
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

Ghi chú:

(i) Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023. Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022 với số tiền là 1.798.378.028 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 đã được trình bày lại (lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022 là 586,9 VND/cổ phiếu).

**36. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

**Khu vực địa lý**

Trong năm, hoạt động của Công ty chỉ tập trung chủ yếu trong địa bàn thành phố Hà Nội, trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực viễn thông tin học. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	276.040.700.893	346.002.680.093
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	97.331.602.058	203.273.189.687
Nợ thuần	178.709.098.835	142.729.490.406
Vốn chủ sở hữu	643.078.719.603	662.275.023.367
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,28	0,22

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị sổ kế toán			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.331.602.058	-	203.273.189.687	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.009.896.878.193	(2.033.511.114)	703.986.394.620	(1.561.553.315)
Dầu tu ngắn hạn	-	-	-	-
Dầu tu dài hạn	66.374.000.000	(1.802.976.000)	66.374.000.000	(1.609.800.000)
Tài sản tài chính khác	1.486.198.834	-	2.010.111.675	-
<b>Cộng</b>	<b>1.175.088.679.085</b>	<b>(3.836.487.114)</b>	<b>975.643.695.982</b>	<b>(3.171.353.315)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	276.040.700.893	346.002.680.093
Phải trả người bán, phải trả khác	456.681.006.912	356.909.936.327
Chi phí phải trả	11.446.522.719	35.578.080.256
<b>Cộng</b>	<b>744.168.230.524</b>	<b>738.490.696.676</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/TT-BTC ngày 6/11/2009 ("Thông tư 210") của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác, như cổ phiếu.

**Rủi ro về tỷ giá**

Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá hối đoái liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty khi Công ty mua và bán các loại hàng hóa bằng các loại ngoại tệ khác với đồng tiền hạch toán kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro tỷ giá thông qua việc xem xét tình hình thị trường hiện tại và dự kiến khi Công ty có kế hoạch mua bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty chưa sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Rủi ro thị trường (Tiếp theo)**

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ đo Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đơn bẫy tài chính hiệu quả.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tình thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên đồng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và đồng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.331.602.058	-	-	97.331.602.058
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.009.896.878.193	-	-	1.009.896.878.193
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	66.374.000.000	-	66.374.000.000
Tài sản tài chính khác	115.235.357	1.370.963.477	-	1.486.198.834
<b>Cộng</b>	<b>1.107.343.715.608</b>	<b>67.744.963.477</b>	<b>-</b>	<b>1.175.088.679.085</b>
Vay và nợ	276.040.700.893	-	-	276.040.700.893
Phải trả người bán, phải trả khác	456.309.696.787	371.310.125	-	456.681.006.912
Chi phí phải trả	11.446.522.719	-	-	11.446.522.719
<b>Cộng</b>	<b>743.796.920.399</b>	<b>371.310.125</b>	<b>-</b>	<b>744.168.230.524</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>363.546.795.209</b>	<b>67.373.653.352</b>	<b>-</b>	<b>430.920.448.561</b>

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	203.273.189.687	-	-	203.273.189.687
Phải thu khách hàng, phải thu khác	703.986.394.620	-	-	703.986.394.620
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	66.374.000.000	-	66.374.000.000
Tài sản tài chính khác	554.046.566	1.456.065.109	-	2.010.111.675
<b>Cộng</b>	<b>907.813.630.873</b>	<b>67.830.065.109</b>	<b>-</b>	<b>975.643.695.982</b>
Vay và nợ	346.002.680.093	-	-	346.002.680.093
Phải trả người bán, phải trả khác	356.131.720.427	778.215.900	-	356.909.936.327
Chi phí phải trả	35.578.080.256	-	-	35.578.080.256
<b>Cộng</b>	<b>737.712.480.776</b>	<b>778.215.900</b>	<b>-</b>	<b>738.490.696.676</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>170.101.150.097</b>	<b>67.051.849.209</b>	<b>-</b>	<b>237.152.999.306</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**38. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các số dư với bên liên quan tại Thuyết minh số 5, 14, 15 và 23, Công ty còn có các giao dịch và số dư chủ yếu với bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm nay		Năm trước	
		VND		VND	
<b>Bán hàng</b>		<b>460.269.450.037</b>	<b>653.447.235.188</b>		
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đồng	458.588.503.761	650.225.122.258		
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Cùng TV HDQT	50.000.000	270.500.000		
Công ty Cổ phần ITTA	Cùng TV HDQT	1.601.726.276	1.525.907.494		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng TV HDQT	29.220.000	1.425.805.436		
<b>Mua hàng</b>		<b>1.577.840.542</b>	<b>12.748.402.431</b>		
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đồng	1.122.199.421	2.968.909.138		
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Cùng TV HDQT	138.161.587	9.141.246.942		
Công ty Cổ phần ITTA	Cùng TV HDQT	182.132.643	392.748.351		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng TV HDQT	135.346.891	245.498.000		
<b>Thu tiền cung cấp hàng hóa - dịch vụ</b>		<b>501.083.360.253</b>	<b>243.100.071.011</b>		
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đồng	497.821.552.701	228.925.874.717		
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Cùng TV HDQT	82.500.000	10.790.129.944		
Công ty Cổ phần ITTA	Cùng TV HDQT	1.962.514.058	1.525.386.270		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng TV HDQT	1.216.793.494	1.858.680.080		
<b>Thanh toán tiền mua hàng hóa - dịch vụ</b>		<b>5.433.061.539</b>	<b>57.583.796.879</b>		
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đồng	1.576.904.058	299.400.000		
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Cùng TV HDQT	3.747.119.486	56.537.463.379		
Công ty Cổ phần ITTA	Cùng TV HDQT	87.587.995	200.782.620		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng TV HDQT	21.450.000	546.150.880		
<b>Cổ tức đã trả</b>		<b>10.117.108.000</b>	<b>16.693.228.200</b>		
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đồng	10.117.108.000	16.693.228.200		
<b>Cổ tức nhận được</b>		<b>1.648.188.000</b>	<b>3.340.813.690</b>		
Công ty Cổ phần ITTA	Cùng TV HDQT	377.600.000	1.223.166.690		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng TV HDQT	1.270.588.000	2.117.647.000		
	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>		
		<b>VND</b>	<b>VND</b>		
<b>Phải trả khác</b>		<b>704.801.659</b>	<b>683.143.455</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng TV HDQT	235.093.367	227.447.663		
Công ty Cổ phần ITTA	Cùng TV HDQT	469.708.292	455.695.792		

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

Thành viên	Chức danh	Năm nay		Năm trước	
		VND		VND	
Hoàng Anh Lộc	Chủ tịch HĐQT	854.240.000	915.981.591		
Hà Thanh Hải	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	775.040.000	929.427.432		
Tô Hoài Văn	Ủy viên HĐQT	623.840.000	749.424.261		
Lê Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	695.840.000	774.342.885		
Nguyễn Đình Du	Trưởng BKS	587.840.000	318.000.000		
Nguyễn Thành Hiếu	Thành viên BKS	505.040.000	603.428.000		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm (Mã số 21) không bao gồm 770.397.851 VND là số tiền đã thanh toán từ kỳ trước. Theo đó, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng/giảm các khoản phải thu (Mã số 09) trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm (Mã số 27) không bao gồm 621.789.315 VND là chênh lệch cuối năm đầu năm của Lãi dự thu và cổ tức chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng/giảm các khoản phải thu (Mã số 09) trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 3.521.067.872 VND là chênh lệch cuối năm đầu năm của Chi phí lãi vay trích trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng/giảm các khoản phải trả trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 2.236.986.305 VND là tiền lãi vay phải trả đã bù trừ với số phải thu Công ty Cổ phần Trí tuệ số Việt VDC về chuyển nhượng khoản đầu tư với khoản vay Công ty TNHH MTV Thanh toán Viễn thông Tin học Bưu điện. Theo đó, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu Tiền lãi vay đã trả trong năm và Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp.

**40. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Theo các Biên bản họp ngày 28 tháng 5 năm 2021 và ngày 30 tháng 9 năm 2021 giữa Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội và Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện ("Công ty"), các bên đã ghi nhận lỗi phát sinh trong quá trình triển khai Hợp đồng số 03/Viettel-CTIN/2020 là thuộc về Công ty; theo đó, Công ty đã cam kết sửa chữa, khắc phục và hoàn thành trước 31 tháng 3 năm 2022, đồng thời, bồi thường thiệt hại và thanh toán các khoản phạt do chậm giao hàng tại hợp đồng triển khai với các khách hàng khác (nếu có). Đến thời điểm kết thúc năm tài chính, theo Báo cáo tổng hợp dự án có thể còn phát sinh các lỗi chưa khắc phục được hoàn toàn nhưng chưa được các bên xác nhận, nên Công ty có thể sẽ phát sinh các khoản công nợ liên quan đến việc cam kết phục hồi và bồi thường thiệt hại nếu trên.



Lê Thanh Sơn  
Phó Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Ngọc Sơn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương  
Người lập